

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN THỊ KIM UYÊN

**KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
NHẬP KHẨU THEO PHÁP LUẬT HẢI QUAN HIỆN NAY
TỪ THỰC TIỄN CỤC HẢI QUAN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành : Luật Kinh tế

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. TRẦN ĐÌNH HẢO

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được luận văn này, tôi xin chân thành cảm ơn đến Ban giám đốc, các khoa, phòng và quý thầy, cô trong Học viện Khoa học Xã hội đã tận tình và tạo điều kiện giúp đỡ cho tôi trong quá trình học tập. Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Thầy giáo PGS.TS. Trần Đình Hảo, người đã trực tiếp hướng dẫn đề tài cho tôi với tất cả lòng nhiệt tình và sự quan tâm sâu sắc.

Bên cạnh đó, tôi cũng gửi lời cảm ơn đến các bạn bè, đồng nghiệp, luôn quan tâm, tạo điều kiện, chia sẻ, động viên tôi trong suốt thời gian học tập và thực hiện luận văn.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình thực hiện nhưng luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tôi mong nhận được sự góp ý của quý thầy, cô, đồng nghiệp và bạn bè.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế với đề tài “*Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu theo pháp luật hải quan hiện nay từ thực tiễn Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi*” là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tác giả, hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực.

Tác giả xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Kim Uyên

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC HÌNH

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU.....	5
1.1. Khái niệm kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu.....	5
1.2. Pháp luật về kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu.....	10
Kết luận chương 1	19
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI	21
2.1. Khái quát hoạt động hải quan trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.....	21
2.2. Thực trạng hoạt động KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đối với hàng hóa nhập khẩu.....	28
2.3. Đánh giá chung những kết quả thực hiện pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại tỉnh Quảng Ngãi.....	50
Kết luận chương 2	58
CHƯƠNG 3. CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN TỈNH QUẢNG NGÃI.....	60
3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm tra sau thông quan.....	60
3.2. Hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy kiểm tra sau thông quan.....	64
3.3. Nâng cao năng lực của công chức làm công tác kiểm tra sau thông quan.....	65
3.4. Hoàn thiện cơ chế phối hợp phục vụ kiểm tra sau thông quan.....	66
3.5. Tuyên truyền, nâng cao ý thức thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan	68
3.6. Tăng cường trang thiết bị cơ sở vật chất và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.....	70
Kết luận chương 3	73
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GATT	: General Agreement on Tariffs and Trade <i>Hiệp định chung về thuế quan và thương mại</i>
GTGT	: Giá trị gia tăng
GTT	: Giá tính thuế
KTSTQ	: Kiểm tra sau thông quan
QLRR	: Quản lý rủi ro
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
VCIS	: Vietnam Customs Intelligence Information System <i>Hệ thống thông tin phân luồng Hải quan Việt Nam</i>
VNACCS	: Vietnam Automated Cargo And Port Consolidated System <i>Hệ thống một cửa thông quan hàng hóa tự động Việt Nam</i>
XNK	: Xuất nhập khẩu
WCO	: World Customs Organization <i>Tổ chức Hải quan thế giới</i>

DANH MỤC CÁC HÌNH

Sơ đồ 1.1. Quy trình kiểm tra sau thông quan	17
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi	22
Sơ đồ 2.2. Quy trình KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu	48

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Một trong những biện pháp quan trọng giúp đẩy nhanh quá trình thông quan chính là công tác kiểm tra sau thông quan (KTSTQ). Đặc biệt KTSTQ còn có ý nghĩa to lớn hơn khi Việt Nam đã tham gia ký kết Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Một trong những thỏa thuận thương mại đa quốc gia lớn nhất từ trước đến nay.

KTSTQ là một hoạt động còn non trẻ của Hải quan Việt Nam, từ khi luật Hải quan năm 2001 có hiệu lực đến nay, mặc dù công tác KTSTQ đã đạt được một số thành công đáng kể, tuy nhiên so với yêu cầu của cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan thì cần phải tiếp tục đổi mới và hoàn thiện công tác này nhiều hơn.

Chính vì vậy nên việc nghiên cứu pháp luật về KTSTQ trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết và có ý nghĩa cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn góp phần đưa KTSTQ thực sự trở thành một công cụ quản lý hiện đại trong xu thế hội nhập.

Hơn nữa, hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ mà ngành Hải quan đã đề ra và cũng là một nhiệm vụ rất quan trọng đối với Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi. Do vậy, tôi đã chọn đề tài nghiên cứu: *“KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu theo pháp luật hải quan hiện nay từ thực tiễn Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi”* làm luận văn tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

KTSTQ là một vấn đề tương đối mới của Hải quan Việt Nam, đối với đề tài này thì trong nội bộ ngành cũng có một số bài viết và đề tài nghiên cứu cụ thể đối với công tác KTSTQ trong toàn ngành hoặc từng Cục Hải quan địa

phương, tuy nhiên nghiên cứu riêng về nội dung công tác KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi thì chưa có công trình nào.

Một số bài viết, công trình nghiên cứu tiêu biểu về nội dung liên quan đến đề tài:

- Báo Hải quan (2016), *Tăng thu hàng trăm tỷ đồng từ hậu kiểm*.
- Cục Kiểm tra sau thông quan (2016), *Tài liệu Hội nghị tập huấn công tác KTSTQ*.
- Cao Ngọc Tâm (2016), *Kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công, sản xuất xuất khẩu theo Luật Hải quan 2014*, Tạp chí Nghiên cứu Hải quan, (số 5), tr. 9 – 12.
- Tạp chí nghiên cứu Hải quan (2015), *Vướng mắc xử lý vi phạm sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện*.

Những công trình nghiên cứu trên là những tư liệu quý để tác giả kế thừa trong việc nghiên cứu, góp phần đạt tới mục tiêu chính của luận văn là nêu được thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Với mục đích làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đồng thời luận văn cũng đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu và đưa ra các kiến nghị nhằm góp phần xây dựng hệ thống pháp luật về KTSTQ ngày càng hiệu quả hơn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nghiên cứu một cách có hệ thống và làm rõ thêm những quy định của pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là pháp luật KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu pháp luật về kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi quản lý dưới góc độ của pháp luật Việt Nam.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp luận

Để thực hiện mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra, luận văn dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, sử dụng tổng hợp một số phương pháp như thống kê, so sánh, phân tích và tổng hợp, tổng kết thực tiễn. Ngoài ra, luận văn cũng kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu liên quan, đồng thời dựa vào chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý hoạt động KTSTQ trong tình hình hiện nay.

5.2 Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản được áp dụng trong nghiên cứu đề tài bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp.

- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp chuyên gia.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1 Ý nghĩa lý luận

Luận văn khái quát tổng thể các quy phạm pháp luật Việt Nam về kiểm tra sau thông quan.

Đánh giá những ưu điểm, nhược điểm của hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động Kiểm tra sau thông quan.

6.2 Ý nghĩa thực tiễn

Phân tích, đánh giá đúng thực trạng hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi.

Đề xuất kiến nghị một số giải pháp nhằm đẩy mạnh thực hiện pháp luật về kiểm tra sau thông quan nói chung và kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu tại tỉnh Quảng Ngãi nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia thành 03 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận về pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu.

Chương 2: Thực trạng thực hiện pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại tỉnh Quảng Ngãi.

Chương 3: Các giải pháp đẩy mạnh thực hiện pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại tỉnh Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

1.1. Khái niệm kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu

1.1.1. Cơ sở hình thành nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan

Cùng với tốc độ phát triển mạnh mẽ theo chiều hướng toàn cầu hóa của nền kinh tế thế giới, quan hệ giao lưu kinh tế giữa các quốc gia cũng ngày càng gia tăng. Thương mại quốc tế đã thực sự trở thành động lực phát triển của mỗi quốc gia cũng như của nền kinh tế thế giới và dẫn đến sự ra đời của các hiệp định thương mại quốc tế song phương và đa phương. Các hiệp định này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế phát triển nhưng mặt khác lại luôn luôn đòi hỏi giảm bớt thủ tục phiền hà, giải phóng hàng hóa ra các cửa khẩu hải quan một cách nhanh chóng. Từ thực tế này đã tạo ra một sức ép vô cùng lớn cho ngành Hải quan đó là khối lượng hàng hóa cần phải kiểm tra tăng lên, thời gian lưu giữ hàng hóa để kiểm tra bị rút ngắn lại nhưng vẫn phải đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chống gian lận thương mại và ngăn chặn tình trạng thất thu ngân sách.

Khó khăn và thách thức đối với nhiệm vụ chống gian lận thương mại của ngành Hải quan là thiếu thông tin về hàng hóa, trị giá tính thuế và một điều không thể phủ nhận là trình độ nghiệp vụ của nhân viên Hải quan tại các cửa khẩu còn nhiều hạn chế trong khi các chủng loại mặt hàng thì lại đa dạng. Trong một khoảng thời gian rất khiêm tốn thì nhân viên Hải quan không thể thực hiện kiểm tra toàn bộ hàng hóa mà chỉ có thể kiểm tra theo xác suất không quá 10% lô hàng và các chứng từ do chủ hàng xuất trình thì đó mới chỉ là kiểm tra phần cơ bản của bề mặt thông tin và số liệu trên chứng từ. Phần

còn lại là những chứng từ, sổ sách kế toán, các chứng từ ngân hàng khác... thì do chủ hàng nắm giữ, trong đó có những chứng từ chỉ phát sinh sau khi hàng hóa đã được thông quan.

Theo kinh nghiệm thực tế của Hải quan một số nước tiên tiến cho thấy nếu chỉ kiểm tra, kiểm soát tại cửa khẩu thì không những không thể phát hiện và ngăn chặn được các trường hợp cố ý gian lận mà còn gây ách tắc cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa. Trước tình hình thực tế như vậy, đòi hỏi ngành Hải quan phải tăng cường quản lý một cách có hiệu quả công tác của mình bằng cách áp dụng các biện pháp nghiệp vụ kéo dài thời hiệu kiểm tra, mở rộng phạm vi và đối tượng kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu. KTSTQ đã thực sự trở thành một công cụ quản lý hiện đại và đã thỏa mãn yêu cầu của thực tế nêu trên.

Thực ra KTSTQ là việc kiểm tra tính xác thực các thông tin do chủ hàng đã khai báo với cơ quan Hải quan thông qua việc kiểm tra các chứng từ thương mại, sổ sách kế toán, hồ sơ chứng từ ngân hàng... có liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu.

Để thực hiện việc kiểm tra theo mô hình KTSTQ, công chức hải quan phải nắm được các thông lệ thương mại quốc tế, vận dụng các kiến thức chuyên ngành như: thương mại quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương, ngân hàng, kế toán, ngoại ngữ và các nghiệp vụ về hải quan... trên cơ sở tư duy kiểm toán để phát hiện những gian lận hoặc sai sót. Xuất phát từ yêu cầu nghiệp vụ này mà Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) và Hải quan các nước gọi nghiệp vụ này là “Kiểm toán sau thông quan” hoặc “Kiểm toán hải quan”, Việt Nam gọi là “Kiểm tra sau thông quan”.

1.1.2. Khái niệm kiểm tra sau thông quan

KTSTQ là thuật ngữ chuyên môn được thể hiện bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau trên thế giới, tiếng Anh là “Post Clearance Audit” và tiếng Việt là

“Kiểm tra trên cơ sở kiểm toán”. Ngày nay thuật ngữ tiếng Việt được sử dụng phổ biến là “Kiểm tra sau thông quan”.

KTSTQ là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan [18].

1.1.3. Nội dung, đặc điểm của kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu

Nội dung:

Kiểm tra hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa nhập khẩu của người khai hải quan (gồm tài liệu giấy và dữ liệu lưu giữ dưới mọi hình thức), kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện.

Kiểm tra việc thực hiện các quy định khác của pháp luật về hải quan, thuế liên quan đến hàng hóa nhập khẩu của người khai hải quan.

Trong quá trình kiểm tra, nội dung kiểm tra được ghi nhận tại các biên bản kiểm tra, kèm các hồ sơ, chứng từ người khai hải quan giải trình, chứng minh.

Đặc điểm:

Nghịệp vụ KTSTQ là một trong những nghiệp vụ kiểm tra của cơ quan Hải quan, KTSTQ được quy định trong luật Hải quan và các văn bản pháp quy, quy định cụ thể quyền hạn, nghĩa vụ, thẩm quyền của lực lượng hải quan và quy trình KTSTQ.

KTSTQ là phương pháp kiểm tra ngược thời gian, diễn ra sau khi hàng hóa xuất nhập khẩu đã được thông quan.

KTSTQ được tiến hành để xác định tính đầy đủ, chính xác các thông tin doanh nghiệp khai báo trong tờ khai hải quan và các hồ sơ, chứng từ đi kèm. Đây là đặc điểm quan trọng của KTSTQ vì qua việc kiểm tra tính đầy đủ,

chính xác này doanh nghiệp cũng nâng cao được trách nhiệm tự giác, trung thực trong khai báo hải quan.

KTSTQ thực hiện kiểm tra tất cả các thông tin liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu, bao gồm cả dữ liệu điện tử do các cá nhân, tổ chức có liên quan cung cấp nhằm thẩm định tính chính xác, trung thực của khai báo hải quan. Công chức hải quan tiến hành thu thập thông tin, chứng cứ và tiến hành phân tích, đánh giá trên cơ sở quy định của pháp luật, từ đó xác định được đối tượng KTSTQ cho phù hợp và khi tiến hành KTSTQ thì doanh nghiệp có sự hợp tác cao.

KTSTQ là hoạt động nghiệp vụ của cơ quan Hải quan nhằm đảm bảo chức năng nhiệm vụ được giao.

KTSTQ là hoạt động kiểm tra do cơ quan Hải quan thực hiện theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định.

KTSTQ được tiến hành nhằm xác định việc khai hải quan có tuân thủ các yêu cầu của Luật Hải quan và các quy định liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hay không.

KTSTQ được tiến hành cùng với sự hỗ trợ từ các nguồn thông tin liên quan.

KTSTQ không chỉ áp dụng với đối tượng khai hải quan mà còn áp dụng với các cá nhân, tổ chức tham gia vào thương mại quốc tế.

1.1.4. Vai trò của kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu

Kiểm tra sau thông quan là mô hình đã được xây dựng và phát triển có hiệu quả hầu hết ở các nước phát triển trên thế giới, tuy khác nhau về tên gọi, cơ cấu tổ chức... nhưng lại hoàn toàn giống nhau về chức năng cơ bản đó là một khâu nghiệp vụ rất quan trọng không thể thiếu trong việc quản lý nhà nước về hải quan hiện đại ngày nay, là một trong những công cụ để phát hiện

và ngăn chặn gian lận thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, đồng thời qua KTSTQ cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi, mang đến những lợi ích chính đáng cho các doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật.

Hiện nay, việc kiểm tra thực tế hàng hóa tại cửa khẩu là rất ít, chủ yếu tập trung phát hiện hàng hóa cấm xuất nhập khẩu, hàng hóa bị hạn chế xuất nhập khẩu. Thời gian kiểm tra tối đa của việc kiểm tra thực tế hàng hóa là 8 giờ, trong trường hợp đặc biệt gia hạn không quá 2 ngày. Việc kiểm tra bộ chứng từ trong quá trình thông quan cũng đã quy định tối đa là 2 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận để giải quyết thủ tục thông quan. Do đó, việc tăng cường hoạt động KTSTQ thay thế cho phương thức kiểm tra tại cửa khẩu có vai trò rất quan trọng để đảm bảo hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hải quan.

KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu có một số vai trò quan trọng sau:

- Thực hiện việc chống gian lận thương mại có hiệu quả hơn mà vẫn giải quyết được công việc thông quan hàng hóa nhanh chóng tại các cửa khẩu góp phần tích cực vào việc phát triển thương mại quốc tế.

- Đảm bảo việc chấp hành Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, các quy định về xuất nhập khẩu của các Bộ, ngành có liên quan và các hiệp định thương mại quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

- Giúp cho khâu lưu thông hàng hóa trên thị trường nội địa phát triển thuận lợi và bảo vệ sản xuất trong nước tích cực hơn.

- Phát hiện và ngăn ngừa tình trạng gian lận và hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Ngăn chặn tình trạng gian lận và trốn thuế nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ chống thất thu ngân sách nhà nước.

- Phát hiện và ngăn ngừa việc nhập khẩu các mặt hàng cấm nhập khẩu, các mặt hàng quản lý hạn ngạch nhập khẩu.

1.2. Pháp luật về kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu

1.2.1. Đối tượng, nguyên tắc, thời hạn và phạm vi KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu

Đối tượng KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu

KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu chỉ kiểm tra các đơn vị có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến kinh doanh xuất nhập khẩu đang hoạt động trong phạm vi quốc gia. Không phân biệt thành phần kinh tế, nguồn vốn chủ sở hữu cũng không chờ đợi sự thỏa thuận hoặc văn bản yêu cầu của doanh nghiệp.

- Các chủ thể liên quan trực tiếp đến kinh doanh xuất nhập khẩu chính là các chủ hàng xuất nhập khẩu (doanh nghiệp hoặc cá nhân).

- Các chủ thể liên quan gián tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu có thể là: Các đại lý khai thuê/môi giới hải quan nắm giữ các chứng từ thương mại, chứng từ hải quan, các thông tin khác về hàng hóa và trị giá; Các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ủy thác nắm giữ các thông tin giao dịch trước khi ký hợp đồng thương mại và thực hiện hợp đồng; Các doanh nghiệp kho vận, logistics nắm giữ các chứng từ vận chuyển hàng hóa, số lượng, bản chất, chủng loại, đơn giá, tổng trị giá hàng hóa; Các hãng vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu phát hành và lưu trữ chứng từ vận chuyển hàng hóa, hành trình của phương tiện vận tải, cước phí vận tải (để xác định trị giá hải quan và xuất xứ hàng hóa), báo cáo tổn hại hàng hóa (để xem xét trường hợp tổn thất giá trị thương mại của hàng hóa là yếu tố trực tiếp tới việc xét giảm số tiền thuế phải nộp thường dễ bị lợi dụng để gian lận tiền thuế); Các hãng bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu phát hành và nắm giữ các chứng từ bảo hiểm, phí bảo hiểm (một yếu tố cấu thành trị giá hải quan) và các chứng từ khác (trị giá bảo hiểm, số tiền bảo hiểm) để xác định trị giá hải quan, mối quan hệ tương tác về thời gian ghi trên các chứng từ khác có ý nghĩa quan trọng trong nghiệp vụ xét

đoán chứng từ; Các ngân hàng thương mại nắm giữ các chứng từ ghi nhận số tiền thực tế người mua đã chuyển trả cho người bán, để từ đó phân tích với nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa về hình thức thanh toán, phương thức thanh toán, thời điểm thanh toán là cơ sở để kiểm tra sự trung thực của trị giá mà doanh nghiệp khai báo với cơ quan hải quan; Các cơ quan, tổ chức giám định hàng hóa phát hành và nắm giữ các chứng từ giám định về hàng hóa như số lượng, trọng lượng, chất lượng hàng hóa là yếu tố xét đoán về trị giá khai báo, tổng trị giá của hợp đồng và là yếu tố thường được lợi dụng để gian lận trị giá khai báo và gian lận tiền thuế phải nộp.

Mục đích KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu:

KTSTQ là kiểm tra việc chấp hành Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cũng như các quy định khác có liên quan đến xuất nhập khẩu, từ đó phát hiện, ngăn chặn tình trạng gian lận trốn thuế và/hoặc vi phạm Luật Hải quan, vi phạm chính sách mặt hàng, nhằm mục đích:

- Xác minh tính chính xác và trung thực của việc khai báo hải quan do đối tượng kiểm tra đã thực hiện trong quá khứ.
- Đưa ra những biện pháp cần thiết nhằm điều chỉnh các khoản chênh lệch về thuế trong quá trình khai báo hải quan, bao gồm cả việc chưa nộp đủ thuế đối với đối tượng kiểm tra và các đơn vị Hải quan liên quan.
- Khuyến khích đối tượng kiểm tra nâng cao mức tuân thủ các luật và quy định về Hải quan.

Nguyên tắc KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu:

Nguyên tắc KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu là những quy định cơ bản, ổn định và chuẩn mực để hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ KTSTQ, cụ thể gồm những nguyên tắc sau:

Nguyên tắc một: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật

Nguyên tắc này đòi hỏi mọi hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật quốc gia, các điều ước, chuẩn mực quốc tế, Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế, Công ước Kyoto, quy tắc xuất xứ, Nguyên tắc xác định xuất xứ theo Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT), Tổ chức thương mại thế giới (WTO)...

KTSTQ phải được thực hiện đúng quy định về trình tự theo quy trình KTSTQ.

Nguyên tắc hai: Chính trực, khách quan, độc lập, không gây cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của đơn vị được kiểm tra.

- Chính trực: Nguyên tắc này đòi hỏi công chức Hải quan phải là người ngay thẳng, trung thực và có lương tâm nghề nghiệp, không được phép để cho sự định kiến thiên lệch lấn át tính khách quan. Mọi hành vi định kiến, thiên vị thiếu khách quan được coi là vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

- Khách quan: Yêu cầu bắt buộc mọi hoạt động kiểm tra phải luôn tôn trọng thực tế khách quan. Mọi phân tích, nhận xét và kết luận của công chức Hải quan đều phải xuất phát từ thực tế khách quan.

- Độc lập: Nguyên tắc này luôn yêu cầu công chức Hải quan chỉ đưa ra những kết luận mà tự bản thân mình xét thấy những kết luận đó có căn cứ vững chắc, phù hợp với những chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp. Trong quá trình kiểm tra, công chức Hải quan có thể tranh thủ ý kiến hay sử dụng tư liệu của những người khác nhưng chỉ được tin vào chính mình và phải tự chịu trách nhiệm về kết luận của mình. Không ai có quyền ép buộc công chức Hải quan đưa ra những kết luận mà bản thân công chức Hải quan chưa thấy thỏa đáng.

- Không gây cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của đơn vị được kiểm tra: Nguyên tắc này đòi hỏi mọi hoạt động kiểm tra trong quá trình KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại đơn vị không gây phiền hà, sách nhiễu để ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nguyên tắc ba: Bí mật thông tin

Trong quá trình KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu, việc đảm bảo bí mật thông tin được thực hiện trên cơ sở thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật, trách nhiệm của công dân đối với cộng đồng và xã hội. Công chức Hải quan không được sử dụng thông tin liên quan đến KTSTQ cho các mục đích cá nhân hoặc tự ý chuyển cho người khác, mà thông tin này phải được quản lý và sử dụng đúng chế độ bảo mật theo quy định của ngành.

Nguyên tắc bốn: Dẫn chứng bằng tài liệu

Trong quá trình KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu, công chức Hải quan phải thu thập và ghi chép đầy đủ, khoa học và chính xác mọi tài liệu liên quan đến cuộc kiểm tra. Các nội dung ghi nhận phải được dẫn chứng bằng tài liệu để chứng minh rằng công việc kiểm tra đã được tiến hành phù hợp với nguyên tắc kiểm tra cơ bản và quy định của pháp luật.

Thời hạn KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu:

Đối với hình thức kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan: Thời gian kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra, nhưng tối đa là 05 ngày làm việc.

Đối với hình thức kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan: Thời hạn KTSTQ được xác định trong quyết định kiểm tra, nhưng tối đa là 10 ngày làm việc. Thời gian kiểm tra được tính từ ngày bắt đầu kiểm tra, trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người đã ký quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 10 ngày làm việc [18].

Phạm vi KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu:

KTSTQ chỉ kiểm tra hồ sơ hải quan, sổ sách kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan. Thời hạn KTSTQ là 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan [18].

1.2.2. Hình thức kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu

Theo phương pháp quản lý rủi ro mà cơ quan hải quan đang áp dụng hiện nay thì KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu được thực hiện dưới hai hình thức là cơ quan hải quan KTSTQ theo kế hoạch hàng năm và kiểm tra theo trọng tâm, trọng điểm về mặt hàng nghi vấn và đối tượng nghi vấn theo cơ sở thông tin, phân tích dữ liệu được quản lý bởi cơ quan hải quan. Kiểm tra theo kế hoạch là việc KTSTQ được xác lập kế hoạch của cơ quan hải quan, được thống nhất chung trong toàn ngành. Kiểm tra theo trọng tâm, trọng điểm là hình thức kiểm tra theo chuyên đề thường là đột xuất đối với một số mặt hàng cụ thể, trọng tâm cần phải tiến hành KTSTQ trong thời gian sớm nhất có thể để kịp thời ngăn chặn các hành vi gian lận của doanh nghiệp.

Hình thức cụ thể tiến hành KTSTQ hiện nay là:

- KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan: Đây là hoạt động thường xuyên của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, hàng hóa nhập khẩu đã được thông quan trong thời gian 60 ngày kể từ ngày hàng hóa được thông quan đến ngày thông báo kiểm tra.

- KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan: Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa [18].

1.2.3. Trình tự kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu

Trình tự tiến hành KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu cơ bản giống trình tự KTSTQ nói chung. Đây là một trình tự linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thực tế và phụ thuộc một phần vào tư duy kiểm tra xem xét của đội ngũ công chức thực hiện KTSTQ và trưởng đoàn kiểm tra. Không có một khuôn mẫu trình tự nhất định áp dụng cho mọi cuộc KTSTQ, nhưng xét về mặt khái quát thì trình tự tiến hành KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu phải được thực hiện qua 5 bước cơ bản:

Bước một: Thu thập, phân tích, xử lý thông tin phục vụ KTSTQ

Thu thập, xử lý thông tin là hoạt động nghiệp vụ thường xuyên của công chức thực hiện KTSTQ. Các nguồn thông tin phục vụ KTSTQ gồm:

- Từ hệ thống cơ sở dữ liệu hải quan: Hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan; Hệ thống thông tin điện tử tập trung; Hệ thống thông tin quản lý rủi ro; Hệ thống thông tin vi phạm; Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu giá tính thuế; Hệ thống thông tin kế toán xuất nhập khẩu tập trung; Hệ thống thông tin quản lý tàu biển xuất nhập cảnh; Hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu phân loại và mức thuế; Hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp phục vụ KTSTQ và quản lý rủi ro; Hệ thống thu thập xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan; Các danh mục rủi ro hàng hóa xuất nhập khẩu; Các hệ thống thông tin, dữ liệu khác có liên quan (nếu có).

- Từ hoạt động nghiệp vụ hải quan: đăng ký, giám sát, kiểm tra thực tế hàng hóa, kiểm tra hồ sơ, tham vấn giá, kết quả giám định hàng hóa, xác định trước mã số, trị giá...

- Từ bộ phận quản lý rủi ro, chống buôn lậu thu thập, phát hiện trong quá trình thực hiện nghiệp vụ chuyên.

- Từ kết quả KTSTQ của lực lượng KTSTQ chuyên.

- Từ các nguồn thông tin khác.

Thu thập thông tin bằng văn bản từ người khai hải quan: Ưu tiên thu thập thông tin từ các nguồn thông tin trên các hệ thống cơ sở dữ liệu và hoạt động nghiệp vụ của ngành hải quan. Trong trường hợp kết quả thu thập thông tin từ cơ quan hải quan có dấu hiệu rủi ro nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng thì người có thẩm quyền quyết định tiến hành thu thập thêm thông tin từ người khai hải quan.

Phân tích, xử lý thông tin phục vụ KTSTQ

Bước hai: Xác định đối tượng, quyết định kiểm tra

Xác định đối tượng đề xuất kiểm tra bao gồm: Lựa chọn đối tượng đề

xuất kiểm tra gồm lựa chọn đối tượng KTSTQ tại cơ quan hải quan và tại trụ sở người khai hải quan; Đề xuất kiểm tra.

Phê duyệt, ký ban hành quyết định kiểm tra: Xem xét, phê duyệt; Ban hành quyết định kiểm tra; Văn bản thông báo kiểm tra (nếu có).

Bước ba: Thực hiện kiểm tra

Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện KTSTQ.

Công bố quyết định kiểm tra/thông báo kiểm tra.

Tiến hành kiểm tra: tại trụ sở cơ quan hải quan và tại trụ sở người khai hải quan.

Báo cáo, đề xuất, xử lý kết quả kiểm tra.

Thông báo kiểm tra/kết luận kiểm tra.

Bước bốn: Xử lý công việc liên quan đến kết quả kiểm tra

Quyết định ấn định thuế (nếu có).

Xử phạt vi phạm hành chính (nếu có).

Giải quyết khiếu nại (nếu có)

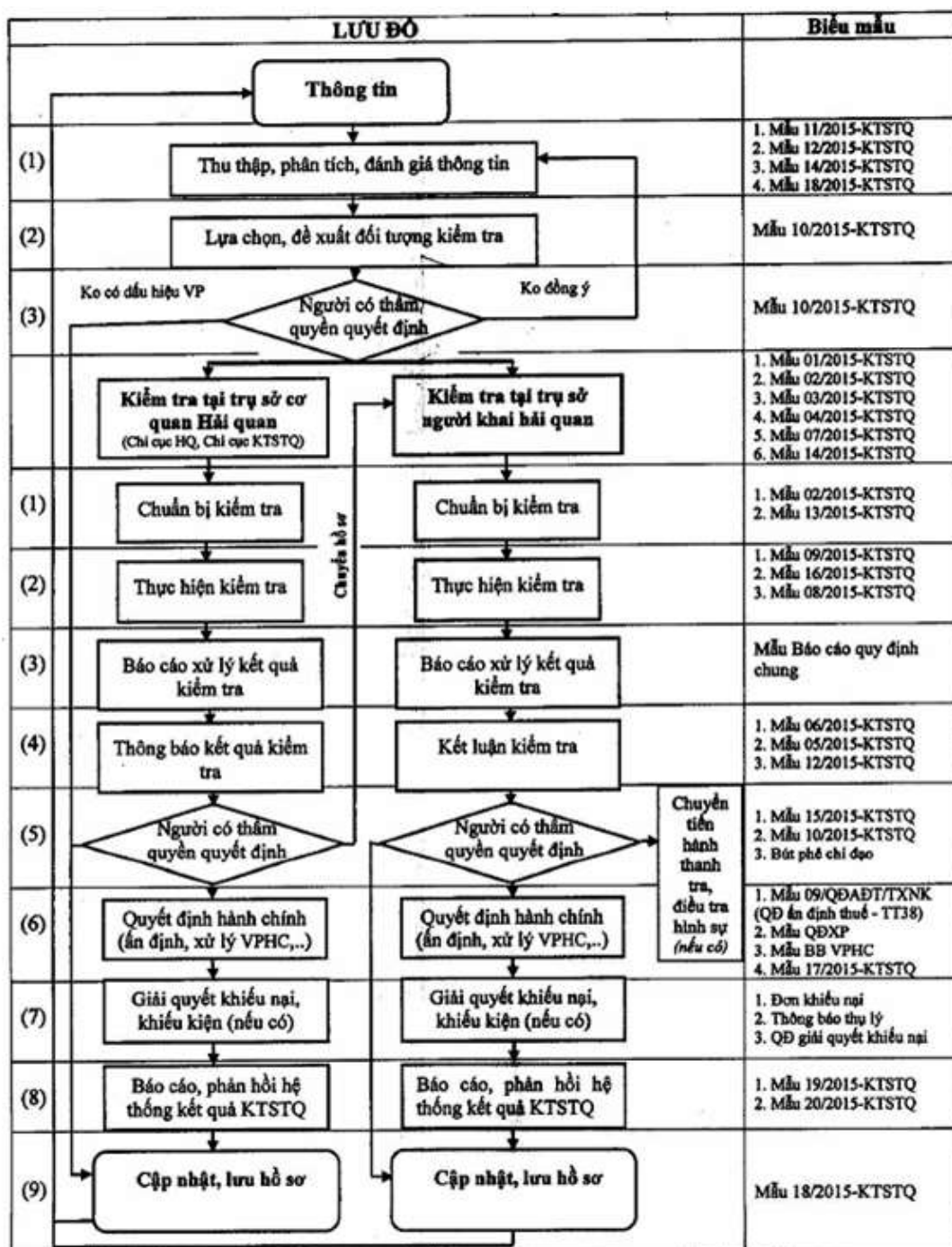
Tham gia giải quyết tố tụng hành chính (nếu có)

Bước năm: Theo dõi, báo cáo, phản hồi, cập nhật thông tin và lưu trữ hồ sơ

Theo dõi khai bổ sung và chuyển hồ sơ, hình thức kiểm tra.

Báo cáo, phản hồi kết quả kiểm tra trong hệ thống KTSTQ.

Cập nhật thông tin và lưu trữ hồ sơ [21].



Sơ đồ 1.1. Quy trình kiểm tra sau thông quan

Nguồn: Tổng cục Hải quan, Quyết định số 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/5/2015 về việc ban hành Quy trình kiểm tra sau thông quan [21]

1.2.4. Mô hình tổ chức kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu

Mô hình tổ chức KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu hiện nay đang thực hiện theo 3 cấp thống nhất:

Cấp Tổng cục Hải quan:

- Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức, chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động KTSTQ trên toàn quốc; ký quyết định kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra đối với trường hợp: Quyết định kiểm tra đối với trường hợp doanh nghiệp ưu tiên được công nhận theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; Quyết định kiểm tra đối với doanh nghiệp thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia; Các tập đoàn, tổng công ty có nhiều chi nhánh hoạt động xuất nhập khẩu tại nhiều địa bàn thuộc nhiều Cục Hải quan.

- Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan có trách nhiệm: Tham mưu chỉ đạo, quản lý, kiểm tra hoạt động KTSTQ, hướng dẫn nghiệp vụ KTSTQ trong phạm vi toàn quốc và tổ chức thực hiện các cuộc KTSTQ, chỉ đạo, tổ chức, quản lý các đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan để đảm bảo việc thực hiện và xử lý kết quả kiểm tra theo quy định; Ký quyết định kiểm tra, tổ chức thực hiện quyết định kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra, ký quyết định ấn định thuế (nếu có); Thừa ủy quyền ký quyết định, tổ chức thực hiện KTSTQ và kết luận kiểm tra, xử lý kết quả KTSTQ; Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan theo thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

Cấp Cục Hải quan địa phương:

- Cục trưởng Cục Hải quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý, kiểm tra hoạt động KTSTQ trong phạm vi địa bàn quản lý, tổ chức thực hiện các cuộc KTSTQ hoặc phân công Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ tổ chức thực hiện, chỉ đạo, tổ chức, quản lý đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra tại trụ sở người khai

hải quan để đảm bảo việc thực hiện và xử lý kết quả kiểm tra theo quy định. Trường hợp KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan nằm ngoài địa bàn quản lý thì báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét phân công.

- Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ có trách nhiệm: Thừa ủy quyền ký quyết định, tổ chức thực hiện KTSTQ và xử lý kết quả KTSTQ đối với một số trường hợp; Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan theo thẩm quyền quy định về vi phạm hành chính; Tham mưu tổ chức, quản lý, hướng dẫn hoạt động KTSTQ trên địa bàn Cục Hải quan. Tổng hợp, theo dõi số liệu, nắm tình hình hoạt động, nhận các báo cáo về kết quả các cuộc KTSTQ của các Chi cục Hải quan để tham mưu đề xuất Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục KTSTQ chỉ đạo thực hiện thống nhất, hiệu quả, tránh trùng lặp; Cập nhật thông tin, hồ sơ, kết quả KTSTQ, báo cáo kết quả KTSTQ theo quy định của Tổng cục Hải quan.

Cấp Chi cục Hải quan:

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ký quyết định, tổ chức thực hiện KTSTQ và xử lý kết quả KTSTQ đối với một số trường hợp. Tổ chức thực hiện KTSTQ theo phân công của Cục trưởng Cục Hải quan; Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan theo thẩm quyền về xử phạt vi phạm hành chính; Cập nhật thông tin, hồ sơ, kết quả KTSTQ, báo cáo kết quả KTSTQ theo quy định của Tổng cục Hải quan [3].

Kết luận chương 1

Trong những năm gần đây, đặc biệt là sau khi Việt Nam gia nhập WTO, đã có một sự gia tăng mạnh mẽ các hoạt động giao thương với nước ngoài. Một yêu cầu cấp bách đối với Hải quan Việt Nam là làm thế nào để kiểm soát một khối lượng lớn hàng hóa và tạo thuận lợi cho các giao dịch thương mại quốc tế. Do đó, Hải quan Việt Nam không ngừng đẩy mạnh cải

cách và hiện đại hóa thủ tục hải quan để nâng cao năng lực quản lý, trong đó việc áp dụng quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan đóng một vai trò quan trọng cho Hải quan Việt Nam trong quá trình hội nhập.

Việc thực hiện kiểm tra sau thông quan là một phần trong chiến lược quản lý rủi ro. Kiểm tra sau thông quan là công việc nhằm thẩm định lại việc khai báo của người khai hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan. Khi kiểm tra phát hiện những sai sót hoặc bất hợp lý trong khai báo, cơ quan hải quan đưa ra những chỉ dẫn, yêu cầu người khai hải quan điều chỉnh nội dung khai báo và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế. Mục đích của kiểm tra sau thông quan là tạo điều kiện để doanh nghiệp thực hiện nhanh thủ tục hải quan, không làm chậm lại dòng lưu thông của hàng hóa ra thị trường, đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước.

Tóm lại, việc kiểm tra sau thông quan là rất cần thiết cho Hải quan Việt Nam. Bằng việc áp dụng các kỹ thuật quản lý rủi ro và kiểm toán cơ bản, kiểm tra sau thông quan đánh giá mức độ tuân thủ của doanh nghiệp, từ đó tạo điều kiện thuận lợi và mang đến những lợi ích chính đáng cho doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật hải quan.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Khái quát hoạt động hải quan trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

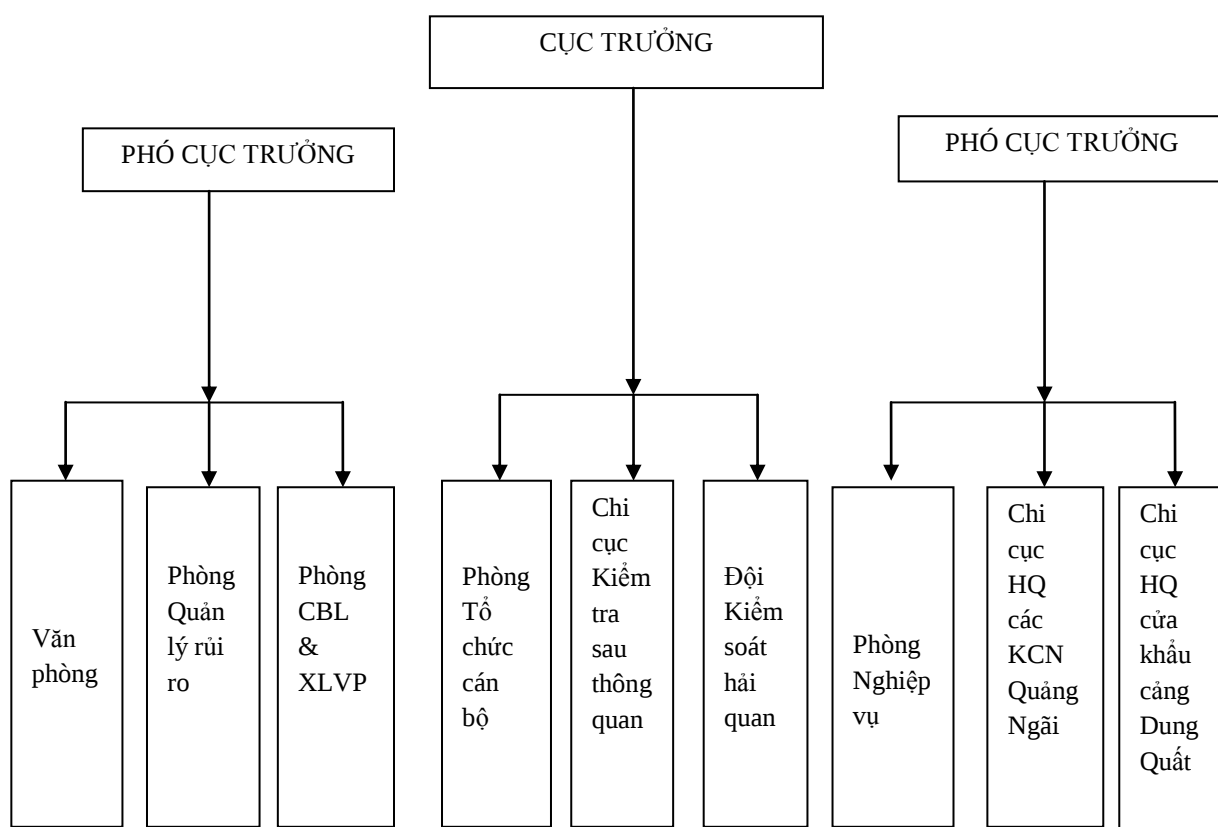
2.1.1. Khái quát về Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi

Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi được thành lập ngày 04/7/2002 theo Quyết định số 86/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, là cơ quan quản lý hành chính Nhà nước trực thuộc Tổng cục Hải quan, thuộc Bộ Tài chính có chức năng tổ chức thực hiện pháp luật của Nhà nước về hải quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan trên địa bàn hoạt động.

Đến nay, Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi có 153 cán bộ công chức và hợp đồng lao động với 9 đơn vị thuộc và trực thuộc, bao gồm:

Các đơn vị thuộc Cục gồm có: Văn phòng Cục; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Nghiệp vụ; Phòng Quản lý rủi ro; Phòng Chống buôn lậu và xử lý vi phạm.

Các đơn vị trực thuộc Cục gồm có: Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Dung Quất gồm: Đội Nghiệp vụ, Đội Nghiệp vụ cảng Sa Kỳ, Đội Tổng hợp, Đội Giám sát, Tổ Kiểm soát; Chi cục Hải quan các khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi gồm: Đội Nghiệp vụ, Đội Tổng hợp, Đội Giám sát và kiểm soát; Chi cục Kiểm tra sau thông quan gồm 3 bộ phận: Thu thập xử lý thông tin, Nghiệp vụ KTSTQ và Tổng hợp; Đội Kiểm soát hải quan gồm Tổ Tham mưu và Tổ Kiểm soát cơ động.



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi

Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Hải quan, các quy định khác của pháp luật có liên quan và những nhiệm vụ quyền hạn được quy định tại Quyết định số 1027/QĐ-BTC ngày 11/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 2053/QĐ-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1027/QĐ-BTC, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện các quy định của nhà nước về hải quan trên địa bàn hoạt động của Cục hải quan, gồm: Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển cửa khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu, các địa điểm kiểm tra tập trung và các địa điểm kiểm tra khác theo quy định của pháp luật; Thu thập, khai thác, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan theo quy định của pháp luật và Tổng cục trưởng Tổng cục

Hải quan; Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết để chủ động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, phòng, chống ma túy trong phạm vi địa bàn hoạt động. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, phòng chống vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, phòng chống ma túy ngoài phạm vi địa bàn hoạt động của Hải quan theo quy định của pháp luật; Tổ chức thực hiện pháp luật về thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật; Áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan theo quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các Chi cục Hải quan trong việc tổ chức triển khai nhiệm vụ được giao.

3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về hải quan theo quy định của pháp luật.

4. Xử lý vi phạm hành chính hoặc khởi tố đối với các vụ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định của pháp luật. Giải quyết khiếu nại đối với các quyết định hành chính của các đơn vị trực thuộc và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh về chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Các quy định của Tổng cục Hải quan về chuyên môn nghiệp vụ và quản lý nội bộ. Báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan những vướng mắc phát sinh, các vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Cục Hải quan.

6. Tổ chức triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và phương

pháp quản lý hải quan hiện đại vào hoạt động của Cục Hải quan.

7. Phối hợp với các đơn vị trên địa bàn, cơ quan nhà nước và các tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

8. Tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về hải quan trên địa bàn.

9. Hướng dẫn, giải thích các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan theo quy định của pháp luật.

10. Hợp tác quốc tế về hải quan theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

11. Tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của Cục Hải quan, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

12. Quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức của Cục Hải quan theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính.

13. Quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu, ấn chỉ thuế; quản lý, sử dụng phương tiện, trang bị kỹ thuật và kinh phí hoạt động của Cục Hải quan theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan giao và theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Đặc điểm của hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi

Đặc điểm về cơ cấu tổ chức bộ máy:

Được hình thành ngay từ ngày đầu thành lập Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi, Chi cục KTSTQ là đơn vị nòng cốt trong việc quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện KTSTQ và phức tập hồ sơ hải quan, trực tiếp KTSTQ theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, hàng năm Chi cục KTSTQ luôn xây dựng kế hoạch cụ thể, đề ra các chỉ tiêu phấn đấu và cố gắng hoàn thành

vượt mức các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao. Xác định yếu tố con người là quan trọng trong việc thực thi công vụ đạt hiệu quả, lãnh đạo Cục, Chi cục luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là lớp cán bộ trẻ. Từ 04 cán bộ năm 2006, đến nay Chi cục có 12 cán bộ công chức, hầu hết đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công việc. Theo quyết định số 1166/QĐ-TCHQ ngày 09/6/2010 thì Chi cục KTSTQ có chức năng và quyền hạn cụ thể như sau:

Thứ nhất, về vị trí và chức năng

Chi cục KTSTQ là đơn vị trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là Cục Hải quan tỉnh) có chức năng giúp Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh (sau đây gọi tắt là Cục trưởng) trong việc quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện KTSTQ và phúc tập hồ sơ hải quan; trực tiếp thực hiện KTSTQ theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Chi cục KTSTQ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, về nhiệm vụ và quyền hạn

Chi cục KTSTQ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Hải quan, các quy định khác của pháp luật có liên quan và những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể như: Trình Cục trưởng chương trình, kế hoạch hàng năm về công tác KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh; Giúp Cục trưởng trong việc quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ và phúc tập hồ sơ hải quan và KTSTQ trong phạm vi quản lý của Cục Hải quan tỉnh; Thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin trong và ngoài ngành để phục vụ công tác KTSTQ; Giúp Cục trưởng trong việc ra quyết định KTSTQ; Trực tiếp thực hiện KTSTQ theo quy định của pháp luật; Xử lý vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vi phạm hành chính (phát hiện trong quá trình

KTSTQ) thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục trưởng; Thực hiện việc ấn định, truy thu, truy hoàn tiền thuế và các khoản thu khác theo kết luận KTSTQ và quy định của pháp luật; Trực tiếp giao dịch với các tổ chức, cá nhân, tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để xác minh, nắm tình hình, thu thập thông tin, tiếp nhận tin báo, tố giác phục vụ cho hoạt động KTSTQ; Giúp Cục trưởng sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo đánh giá tình hình và kết quả thực hiện công tác phức tạp hồ sơ hải quan, công tác KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh; Thông qua công tác KTSTQ, giúp Cục trưởng phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những thiếu sót, bất cập trong quy định và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, quy trình, quy định nghiệp vụ của ngành, của Cục Hải quan tỉnh; Tuyên truyền pháp luật về KTSTQ; Thực hiện lưu trữ, bảo mật hồ sơ, tài liệu KTSTQ theo quy định; Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ công chức và quản lý tài chính, tài sản, các trang thiết bị của Chi cục KTSTQ theo phân cấp của Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan tỉnh; Thực hiện nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh giao.

Thứ ba, về cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Chi cục KTSTQ thuộc Cục Hải quan tỉnh được cơ cấu theo quy định của Tổng cục Hải quan.

Nhiệm vụ cụ thể của Chi cục KTSTQ do Cục trưởng quy định.

Biên chế của Chi cục KTSTQ do Cục trưởng quyết định trong tổng số biên chế được giao.

Việc thành lập, sáp nhập, giải thể các Đội công tác thuộc Chi cục KTSTQ do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định.

Thứ tư, về lãnh đạo Chi cục KTSTQ

Chi cục KTSTQ có Chi cục trưởng và một số Phó Chi cục trưởng.

Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh về toàn bộ hoạt động của Chi cục.

Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng về nhiệm vụ được Chi cục trưởng phân công.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng và các chức danh lãnh đạo khác của Chi cục KTSTQ thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thứ năm, mối quan hệ hoạt động nghiệp vụ của Chi cục KTSTQ

Chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh.

Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ KTSTQ của Cục KTSTQ.

Có quan hệ phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, các đơn vị khác trong và ngoài ngành để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nói chung từ ngày đầu thành lập đến nay, về cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục KTSTQ đã tăng nhanh về số lượng và nhiệm vụ được giao [20].

Đặc điểm về hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu:

Tại tỉnh Quảng Ngãi, các mặt hàng nhập khẩu theo hợp đồng mua bán chủ yếu bao gồm: hàng cơ khí trọng điểm của Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu có kim ngạch, số thuế lớn chủ yếu là dầu thô, máy móc, thiết bị nhập khẩu đầu tư tạo tài sản cố định cho các dự án được miễn thuế và nguyên liệu, vật tư miễn thuế 5 năm; hàng nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu, linh kiện điện tử, chất xúc tác... Số lượng các doanh nghiệp tham gia hoạt động nhập khẩu trên địa bàn tỉnh trung bình trên 80 doanh nghiệp, chủ yếu là doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, Công ty cổ phần, Công ty TNHH một thành viên.

Lực lượng KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi bước đầu hình thành và phát triển. Với lực lượng cán bộ chủ yếu còn non trẻ, mới vào ngành, số lượng ít, kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ KTSTQ còn hạn chế trong khi đó đối tượng và loại hình KTSTQ thì khá rộng về nhiều lĩnh

vực như KTSTQ đối với hàng nhập khẩu kinh doanh, hàng gia công may mặc, hàng hóa xuất nhập khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu đầu tư là máy móc thiết bị tạo tài sản cố định... Việc bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi và KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu theo hợp đồng thương mại chưa nhiều.

Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong bối cảnh các quy định về KTSTQ tại Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn có nhiều thay đổi, được sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai nhiều giải pháp đẩy mạnh hoạt động KTSTQ, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao với định hướng chú trọng kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan, kiểm tra đánh giá tuân thủ pháp luật các tập đoàn, tổng công ty, các doanh nghiệp có kim ngạch, số thuế nộp ngân sách lớn, đồng thời chú trọng phân tích thông tin để kịp thời kiểm tra các doanh nghiệp, mặt hàng, nhóm mặt hàng có rủi ro cao, có dấu hiệu vi phạm lớn. Đẩy mạnh chỉ đạo kiểm tra tại các Chi cục Hải quan đối với các tờ khai trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hàng hóa được thông quan đối với các lô hàng có nghi vấn về trị giá, mã số và các lô hàng luồng xanh.

2.2. Thực trạng hoạt động KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đối với hàng hóa nhập khẩu

2.2.1. Thực trạng thực hiện các quy định pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi

Khi mức độ mở cửa nền kinh tế càng lớn thì song song với nó là sự ảnh hưởng, tác động của tình hình kinh tế bên ngoài càng lớn. Trong bức tranh âm ỉ của nền kinh tế thế giới, giá cả tăng cao ở hầu hết các nước thì nền kinh tế và mặt bằng giá trong nước đang và sẽ bị ảnh hưởng lớn hơn nhiều so với trước đây. Đây cũng chính là thời điểm mà gian lận thương mại sẽ bùng phát với nhiều thủ đoạn tinh vi và phức tạp.

Có thể nói, giai đoạn 2011 – 2015, Chi cục KTSTQ thuộc Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, hoạt động KTSTQ trên địa bàn đã được thực hiện hiệu quả, có bước chuyển mạnh mẽ. Nhiều vụ việc lớn được triển khai với số ấn định truy thu lớn, tiếp tục phát hiện, kiến nghị được những vấn đề bất cập của chính sách, pháp luật, biện pháp quản lý. Qua đó góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, răn đe, xử lý kịp thời các sai phạm của doanh nghiệp.

Việc KTSTQ nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan. Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan quy định như: KTSTQ được thực hiện dựa trên nguyên tắc QLRR; Tất cả hàng hóa đã thông quan đều thuộc đối tượng KTSTQ; Mức độ KTSTQ được quy định khác nhau.

Trong 05 năm hoạt động (2011 - 2015), Chi cục KTSTQ thuộc Cục đã triển khai và hoàn thành nhiệm vụ được giao trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là công tác KTSTQ và tập trung vào các hoạt động sau:

- Qua thu thập thông tin nghi vấn về chứng từ thanh toán các lô hàng nhập khẩu của các tờ khai đăng ký tại các Chi cục Hải quan trực thuộc Cục, Chi cục KTSTQ đã thực hiện kiểm tra hồ sơ tờ khai nhập khẩu và hệ thống sổ sách của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó Chi cục KTSTQ đã đề xuất truy thu thuế do chứng từ thanh toán của doanh nghiệp không phù hợp với khai báo.

- Thu thập thông tin nghi vấn việc nhập khẩu ủy thác không đúng nội dung giấy phép đầu tư, vi phạm Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Chi cục KTSTQ đã lập kế hoạch KTSTQ. Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ sổ sách kế

toán đã phát hiện doanh nghiệp có sai phạm trong việc khai báo trị giá tính thuế hàng nhập khẩu.

- Qua thu thập thông tin, Chi cục đã tiến hành kiểm tra toàn bộ tờ khai xuất nhập khẩu và hồ sơ thanh lý của doanh nghiệp theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu tại Cục, các chứng từ sổ sách của doanh nghiệp, Chi cục KTSTQ đã phát hiện và truy thu thuế, xử phạt vi phạm hành chính doanh nghiệp về hành vi khai báo tăng định mức hàng xuất khẩu, sử dụng làm chênh lệch nguyên vật liệu nhập khẩu chưa thanh lý.

Ngay từ đầu mỗi năm, với nội dung thực hiện nêu trên, căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động trên địa bàn, Chi cục KTSTQ đều lập kế hoạch các cuộc KTSTQ cho cả năm trình Lãnh đạo Cục phê duyệt và báo cáo về Tổng cục Hải quan và lấy việc thực hiện kế hoạch làm một trong những chỉ tiêu hoàn thành nhiệm vụ của tập thể Chi cục cũng như từng cán bộ trong Chi cục.

Trong 05 năm (2011 - 2015) thực hiện, số cuộc KTSTQ được Chi cục hoàn thành kế hoạch hàng năm, cụ thể như sau:

Tổng số cuộc KTSTQ từ 2011 đến 2015 đạt 61 vụ, truy thu số tiền hơn 16,72 tỷ đồng. Trong đó:

- Theo phạm vi kiểm tra:

Tổng số vụ kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan: 34 vụ.

Tổng số vụ kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp: 21 vụ.

- Theo nội dung kiểm tra:

Tổng số vụ kiểm tra về tên hàng, mã số: 05 vụ.

Tổng số vụ kiểm tra về trị giá: 05 vụ.

Tổng số vụ kiểm tra về chứng từ: 03 vụ.

Tổng số vụ kiểm tra về gia công, sản xuất xuất khẩu: 06 vụ.

Tổng số vụ kiểm tra về nội dung khác: 32 vụ.

Về số thuế ấn định tăng thêm (truy thu) từ kết quả KTSTQ:

Hàng năm, Chi cục KTSTQ đều được Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi phân bổ chỉ tiêu thu thuế để phân đầu thực hiện, cụ thể:

<i>Năm</i>	<i>Chỉ tiêu thu thuế</i>
2011	1 tỷ đồng
2012	1 tỷ đồng
2013	2,8 tỷ đồng
2014	3 tỷ đồng
2015	1,1 tỷ đồng

Do vậy, Chi cục căn cứ vào tình hình thực tiễn hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn, tình hình nhân sự hiện có và công tác thu thập thông tin về doanh nghiệp và lấy việc thực hiện chỉ tiêu thu thuế làm một trong những chỉ tiêu thi đua đánh giá cuối năm. Kết quả giai đoạn 2011 -2015, Chi cục KTSTQ đều hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch cấp trên giao.

Các hành vi gian lận của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi được phát hiện qua công tác KTSTQ:

Vi phạm về trị giá tính thuế hàng nhập khẩu

Về hình thức gian lận này, Chi cục KTSTQ đã phát hiện ra các trường hợp sau:

Qua quá trình KTSTQ tại trụ sở cơ quan Hải quan đối với 177 tờ khai nhập khẩu mặt hàng “giấy đã tráng lớp nhôm bên trong dùng để đựng sữa đậu nành” của Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi – Mã số thuế 4300205943, trong giai đoạn từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/10/2011 đăng ký tại Chi cục Hải quan các khu công nghiệp Quảng Ngãi, nội dung cụ thể như sau:

- Hàng năm, Công ty cổ phần Đường và Tetra Pak South East Asia tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp mặt hàng giấy đã tráng lớp nhôm bên trong dùng để đựng sữa đậu nành loại 200 ml (bao bì đựng sữa) để giao dịch cho cả năm, sau đó sẽ có từng đơn đặt hàng cụ thể để xác định giá cả và số lượng cho

từng đợt. Trong bảng giá kèm theo hợp đồng người bán đưa ra 05 khoản giảm giá (a. Chiết khấu theo giá trị bao bì mua hàng năm (AVD); b. Chiết khấu trên quy cách bao bì (QSD); c. Chiết khấu cho đơn đặt hàng lớn (LOD); d. Chiết khấu đặt hàng qua mạng; e. Chiết khấu in khẩu hiệu Tetra Pak và biểu tượng môi trường trên bao bì (SOP)) để áp dụng khi khách hàng đạt những điều kiện nhất định, trên thực tế tùy theo từng mặt hàng mà Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi đã được giảm giá từ 03 đến 05 loại trên.

Qua quá trình KTSTQ, Chi cục KTSTQ kiểm tra kết luận:

Doanh nghiệp không khai báo các khoản chiết khấu trên tờ khai trị giá theo quy định và 02 khoản chiết khấu d, e không được chấp nhận trừ ra khỏi trị giá tính thuế theo quy định tại Thông tư số 113/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005; Thông tư số 40/2008/TT-BTC ngày 21/5/2008; Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010. Doanh nghiệp không cộng 02 khoản chiết khấu này vào trị giá tính thuế, dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp là 1.226.751.319 đồng (đã nộp ngân sách).

Đối với Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Việt Nam, mã số thuế 4300345073, địa chỉ Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Qua kiểm tra đã phát hiện doanh nghiệp thực hiện các hành vi vi phạm sau:

- Khai sai trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp tại tờ khai hải quan số 04/NK-PMD/C35B ngày 22/02/2012. Hàng hóa mà công ty Doosan Engineering & Construction Co., LTD (Doosan Hàn Quốc) cho tặng Công ty Doosan Vina theo khai báo tại tờ khai nêu trên là hàng hóa được Công ty Doosan Hàn Quốc mua của Công ty Mitsui Co and LTD và Công ty POSCO (với đơn giá exwork Hàn Quốc). Tuy nhiên, theo các chứng từ trong hồ sơ và khai báo hải quan thì trị giá tính thuế của hàng hóa nhập khẩu theo điều kiện DDU Dung Quất thấp hơn trị giá

(exwork Hàn Quốc) công ty Doosan Hàn Quốc mua của Công ty Mitsui Co and LTD và Công ty POSCO.

Đoàn kiểm tra đã xác định lại trị giá tính thuế, xác định hành vi khai sai trị giá hàng hóa của doanh nghiệp làm thiếu số tiền thuế phải nộp là 320.628.669 đồng.

Gian lận trong lĩnh vực gia công, sản xuất xuất khẩu

Lợi dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước với hàng gia công sản xuất xuất khẩu, khi nhập khẩu nguyên liệu được miễn thuế hoặc ân hạn thuế trong vòng 275 ngày, một số doanh nghiệp giả mạo hợp đồng gia công hàng may mặc để nhập khẩu số lượng lớn vải các loại và bán ra thị trường, sau đó bỏ trốn. Một số doanh nghiệp hoạt động ở các ngành như dệt may, giày da... gian lận trong thực hiện thanh lý nguyên liệu nhập khẩu đưa vào sản xuất hàng xuất khẩu như khai tăng tỷ lệ hao hụt, khai tăng định mức cấu thành sản phẩm, sử dụng nguyên liệu nhập khẩu không đúng mục đích, bán vào thị trường nội địa nhằm trốn thuế; lập và khai không đúng hồ sơ thanh khoản, miễn thuế để làm giảm số thuế phải nộp và tăng số thuế được hoàn, khi thanh khoản nhập – xuất lại cho kết quả âm nguyên liệu nhập khẩu. Có doanh nghiệp giải thích là do sử dụng nguyên liệu trong nước nhưng lại không có chứng từ mua trong nước, sổ kế toán cũng không thấy hạch toán khoản này, ngược lại khi chốt số liệu tại một thời điểm để kiểm tra đối chiếu lượng nguyên liệu nhập xuất tồn thì nhiều nguyên liệu phát sinh chênh lệch dương – nguyên liệu tồn thực tế ít hơn tồn trên sổ sách, chứng từ hồ sơ nhập khẩu.

Vụ việc điển hình: Về hình thức gian lận này Chi cục KTSTQ đã kiểm tra và phát hiện trường hợp của Công ty Cổ phần may Đông Thành, mã số thuế 4300269721, địa chỉ số 32 Lê Văn Sỹ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Qua KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp đã phát hiện ra các hành vi vi phạm của doanh nghiệp như sau:

Hành vi một, Tại phụ lục hợp đồng gia công số 02/NOA-DT/2013 ngày 20/8/2013, doanh nghiệp thực hiện đăng ký với cơ quan Hải quan là phụ lục hợp đồng bằng tiếng Việt, trong quá trình KTSTQ doanh nghiệp đã cung cấp cho đoàn kiểm tra phụ lục hợp đồng gia công bằng tiếng Anh, giữa chúng có sự khác nhau về hình thức, nội dung và số lượng phụ lục hợp đồng. Qua giải trình tại công văn số 275/CV-Cty ngày 16/12/2013, doanh nghiệp khẳng định “tất cả các hợp đồng gia công xuất khẩu với nước ngoài đều lập bằng tiếng Anh, thực tế kế toán căn cứ vào hợp đồng, phụ lục hợp đồng với nội dung về số lượng, mã hàng trong hợp đồng bằng tiếng Anh để xuất hóa đơn cho đối tác gia công”. Doanh nghiệp đã thực hiện hành vi sử dụng chứng từ không đúng với thực tế giao dịch để khai báo hải quan.

Hành vi hai, Tại biên bản làm việc số 01/BB-HC ngày 27/11/2013, 02/BB-HC ngày 28/11/2013, đoàn kiểm tra yêu cầu doanh nghiệp cung cấp chứng từ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu theo thông báo số 01/ĐKT ngày 19/11/2013 nhưng doanh nghiệp đã không thực hiện cung cấp chứng từ vận tải đơn, thông số kỹ thuật, mẫu rập sản phẩm, sơ đồ cắt mini của một số sản phẩm liên quan đến việc xây dựng định mức các mã nguyên phụ liệu liên quan đến các hợp đồng gia công số 01-2009/SUS-DT ngày 30/11/2009, hợp đồng gia công số 01-2010/SUS-DT ngày 01/11/2010, hợp đồng gia công số 01/NOA-DT/2011 ngày 05/8/2012, hợp đồng gia công số 01/NOA-DT/2013 ngày 25/11/2012. Doanh nghiệp đã không thực hiện cung cấp chứng từ, tài liệu liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu khi cơ quan Hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Như vậy, doanh nghiệp đã thực hiện hành vi sử dụng chứng từ không đúng với thực tế giao dịch để khai báo hải quan và không thực hiện cung cấp

chứng từ, tài liệu liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu khi cơ quan Hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật. Đoàn kiểm tra đã ấn định thuế và xử phạt vi phạm hành chính đối với công ty số tiền là 863.976.831 đồng (đã thu nộp ngân sách).

Khai báo tên hàng, chủng loại, mã số hàng hóa, thuế suất

Vụ việc điển hình: Về hình thức gian lận này, Chi cục KTSTQ kiểm tra phát hiện các trường hợp:

- Công ty TNHH DongBang Logistics Vina – mã số thuế 0304373028, địa chỉ: phòng 10.03 tòa nhà Satra, 275B đường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung như sau:

Ngày 08/5/2009, Công ty TNHH DongBang Logistics Vina thực hiện mở tờ khai số 07/NK/NTX/DQ ngày 08/5/2009 nhập khẩu 04 romooc chuyên dùng do Công ty TNHH DongBang Logistics Vina thuê của Công ty DongBang Transport Logistics Co., Ltd (Hàn Quốc).

Tại điều 2 của hợp đồng thương mại số DBMS-SPMT-001 ngày 24/4/2009 vừa thể hiện phần trị giá hàng hóa 134.820,70 USD vừa thể hiện trị giá thuê hàng tháng là 69.000 USD/tháng, doanh nghiệp đã sử dụng giá trị hàng hóa để khai báo hải quan, khai báo thuế. Căn cứ theo quy định tại khoản 3, mục VIII phần II Thông tư số 40/2008/TT-BTC ngày 21/5/2008, trị giá tính thuế hàng đi thuê, mượn là trị giá thực trả theo hợp đồng (không phải trị giá như doanh nghiệp khai báo). Và thực tế doanh nghiệp đã thanh toán trị giá thuê hàng tháng qua ngân hàng với tổng số tiền thuê là 514.648,55 USD/07 tháng.

Tại thời điểm đăng ký tờ khai, doanh nghiệp khai báo romooc có trọng tải 210 tấn/ romooc, áp mã số 8716400010, thuế suất 5% nhưng theo kết quả của giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu số LK/022916, LK/022917, LK/022918, LK/022919 ngày 09/7/2009 của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì 04 romooc này có trọng tải thiết kế 180 tấn/

romooc, đối chiếu theo quyết định số 106/2007/QĐ-BTC ngày 20/12/2007 thì 04 romooc này được áp mã số 87163990 và thuế suất là 20 %. Hành vi của doanh nghiệp đã làm thiếu số tiền thuế phải nộp là 1.686.532.720 đồng.

Do đó, Chi cục KTSTQ đã thực hiện ấn định thuế vì đã có hành vi khai sai trị giá, khai sai trọng tải hàng hóa dẫn đến áp sai mã số, sai thuế suất dẫn đến thiếu số tiền phải nộp là 1.686.532.720 đồng. Đồng thời xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này với số tiền là 168.653.272 đồng (đã nộp vào ngân sách).

- Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi, mã số thuế 4300338460, địa chỉ Khu công nghiệp Quảng Phú – thành phố Quảng Ngãi – tỉnh Quảng Ngãi.

Đoàn kiểm tra tiền hành KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp đối với Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi, đã phát hiện doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa đối với một số mặt hàng nhập khẩu trong dây chuyền sản xuất bia tại một số tờ khai hải quan (theo mã số của máy chính là thiết bị nhà nấu, mã HS: 843801090) không phù hợp với quy định tại điểm 2.1, khoản 2, mục I, phần B Thông tư số 85/2003/TT-BTC ngày 29/8/2003 của Bộ Tài chính về việc phân loại thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ, cụ thể doanh nghiệp đã khai sai mã HS của mặt hàng “cầu ống chính (thiết bị bổ sung)” và mặt hàng cấp (01 phần hệ thống cung cấp điện năng) dẫn đến thiếu số thuế phải nộp đối với hàng hóa nhập khẩu đã thông quan tại các tờ khai hải quan số 04/NK/ĐT/N35C ngày 19/10/2009; 08/NK/ĐT/N35C ngày 05/11/2009; 09/NK/ĐT/N35C ngày 11/11/2009; 592/NK/ĐT/N35B ngày 17/9/2009 và khai sai về tên hàng tại các tờ khai hải quan số 04/NK/ĐT/N35C; 09/NK/ĐT/N35C.

Đoàn kiểm tra đã thực hiện ấn định thuế đối với các mặt hàng vì đã khai sai mã số HS và tên hàng hóa với số tiền là 1.004.362.733 đồng (đã nộp vào ngân sách nhà nước).

2.2.2. Trình tự KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi

Trình tự tiến hành KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện qua các bước cơ bản như sau:

Bước một: Thu thập, phân tích, nhận định thông tin

Công chức được phân công thực hiện thu thập, phân tích thông tin đối với hồ sơ hải quan của người khai hải quan có phát sinh các hoạt động nhập khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi. Nguồn thông tin thu thập chủ yếu từ hai nguồn thông tin chính đó là:

Thu thập thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu hải quan như hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan (Hệ thống VCIS); Hệ thống thông quan điện tử tập trung (Hệ thống V5); Hệ thống thông tin quản lý rủi ro (Hệ thống RM); Hệ thống thông tin vi phạm (Hệ thống QLVP 14); Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu giá tính thuế (Hệ thống GTT02); Hệ thống thông tin kế toán thuế XNK tập trung (Hệ thống KTTT); Hệ thống thông quan tàu biển xuất nhập cảnh (Hệ thống E-Manifest); Hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu phân loại và mức thuế (Hệ thống MHS); Hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp phục vụ kiểm tra sau thông quan và quản lý rủi ro (Hệ thống STQ); Hệ thống thu thập xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan (Hệ thống CI02); Các danh mục rủi ro hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, các hệ thống thông tin, dữ liệu khác có liên quan. Công chức thực hiện thu thập thông tin từ nguồn thông tin này là chủ yếu.

Thu thập thông tin từ người khai hải quan tham gia hoạt động xuất nhập khẩu cung cấp. Tuy nhiên, thu thập thông tin từ người khai hải quan thường áp dụng khi kết quả thu thập thông tin từ cơ quan hải quan có dấu hiệu rủi ro

nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng, thì Cục trưởng/Chi cục trưởng quyết định tiến hành thu thập thêm thông tin từ người khai hải quan.

Ví dụ: Thực hiện thu thập thông tin đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty TNHH URC Central, mã số thuế: 4300720775, địa chỉ: Số 08 VSIP Quảng Ngãi, đường 4A, tỉnh Quảng Ngãi. Công chức được phân công thu thập sẽ thực hiện thu thập những thông tin chủ yếu sau:

Thu thập các thông tin chung về doanh nghiệp như Công ty TNHH URC Central được thành lập vào thời gian nào, đã hoạt động xuất nhập khẩu được bao lâu tính đến thời điểm thu thập thông tin, các thông tin về những người chủ chốt trong công ty như tổng giám đốc, ban điều hành, kế toán trưởng... Nguồn thông tin này được công chức thực hiện thu thập chủ yếu từ Hệ thống thông tin quản lý rủi ro (Hệ thống RM).

Thu thập thông tin về hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty TNHH URC Central như thông tin về số lượng tờ khai xuất nhập khẩu, kim ngạch xuất nhập khẩu, mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chủ yếu (thông tin này được công chức thu thập chủ yếu từ Hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan (Hệ thống VCIS) và Hệ thống thông quan điện tử tập trung (Hệ thống V5). Đây là bước thực hiện thu thập chủ yếu và mất nhiều thời gian nhất để tìm ra các dấu hiệu sai phạm trong quá trình khai báo hải quan của doanh nghiệp.

Đồng thời, công chức được phân công thực hiện rà soát, thu thập các thông tin liên quan đến các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan của công ty TNHH URC Central từ hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu phân loại và mức thuế (Hệ thống MHS), hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp phục vụ kiểm tra sau thông quan và quản lý rủi ro (Hệ thống STQ), hệ thống thu thập xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan (Hệ thống CI02), hệ thống thông tin vi phạm (Hệ thống QLVP 14).

Trong trường hợp thực hiện thu thập từ các nguồn trên phát hiện có dấu hiệu rủi ro nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng thì công chức được phân công đề xuất lãnh đạo thực hiện thu thập thông tin từ Công ty TNHH URC Central.

Nội dung thu thập: Cơ quan hải quan phát hành văn bản yêu cầu Công ty TNHH URC Central cung cấp các hồ sơ, chứng từ, thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến các hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu trong phạm vi thu thập nhưng chủ yếu tập trung vào các dấu hiệu rủi ro nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng được phát hiện ở trên.

Hình thức cung cấp: Công ty TNHH URC Central cung cấp dưới dạng văn bản (bản cứng) hoặc ở dạng dữ liệu điện tử (bản mềm). Trường hợp công ty cung cấp thông tin bằng hình thức giao trực tiếp thì khi nhận bàn giao công chức được phân công lập biên bản giao nhận hồ sơ giữa hai bên.

Sau khi kết thúc thu thập thông tin từ Công ty TNHH URC Central, công chức được giao thu thập lập báo cáo kết quả thu thập thông tin để báo cáo lãnh đạo (thời hạn lập báo cáo là trong vòng ba ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thu thập thông tin từ công ty). Báo cáo thu thập nêu rõ kết quả thông tin thu thập được, phân tích đánh giá, nhận định về thông tin thu thập được kèm các hồ sơ, tài liệu, dữ liệu thu thập được.

Từ các bước thu thập nêu trên công chức được phân công sẽ thực hiện phân tích, nhận dạng các dấu hiệu rủi ro sai phạm để xác định đối tượng và đề xuất kiểm tra ở các bước tiếp theo.

Bước hai: Xác định đối tượng và đề xuất kiểm tra

Xác định đối tượng

Căn cứ vào kết quả thu thập xử lý thông tin tại bước 1, công chức được phân công tiến hành lựa chọn đối tượng kiểm tra hoặc theo chỉ đạo của cấp trên.

Lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan (tại trụ sở Chi cục Hải quan và tại trụ sở Chi cục Kiểm tra sau thông quan).

Thứ nhất, lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Chi cục Hải quan: Công chức được phân công căn cứ vào kết quả thu thập thông tin tại bước 1 tiến hành lựa chọn các hồ sơ nhập khẩu đã được thông quan trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hàng hóa được thông quan đến ngày ký ban hành quyết định kiểm tra có dấu hiệu vi phạm, các hồ sơ hải quan có dấu hiệu nghi ngờ về trị giá do bộ phận thông quan chuyển và đề xuất Chi cục trưởng Chi cục Hải quan kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Chi cục Hải quan.

Thứ hai, lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Chi cục Kiểm tra sau thông quan: Công chức được phân công căn cứ vào kết quả thu thập thông tin tại bước 1 tiến hành lựa chọn các hồ sơ nhập khẩu đã được thông quan có dấu hiệu vi phạm và đề xuất Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Chi cục. Trong đó ưu tiên lựa chọn đề xuất kiểm tra trước các trường hợp sau: Hồ sơ hải quan hoặc người khai hải quan có cùng dấu hiệu vi phạm hoặc vi phạm tương tự các trường hợp đã được Chi cục Kiểm tra sau thông quan kiểm tra, ấn định thuế; Hồ sơ hải quan hoặc người khai hải quan đã được Chi cục Hải quan kiểm tra trong thời hạn 60 ngày nhưng chưa thực hiện khai bổ sung các tờ khai có cùng dấu hiệu vi phạm ngoài thời hạn 60 ngày đến 5 năm; Hồ sơ hải quan hoặc người khai hải quan có cùng dấu hiệu vi phạm hoặc vi phạm tương tự đã được một Chi cục Hải quan kiểm tra ấn định nhưng tại các Chi cục Hải quan thuộc địa bàn Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi chưa thực hiện kiểm tra; Hồ sơ hải quan hoặc người khai hải quan chuyển từ các đơn vị nghiệp vụ do có dấu hiệu nghi ngờ về trị giá.

Lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan tại trụ sở trụ sở người khai hải quan: Căn cứ vào hồ sơ hải quan hoặc người khai hải quan có dấu hiệu vi phạm, người khai hải quan xác định có rủi ro cao đã thu thập được tại bước 1 và danh sách kiểm tra theo kế hoạch hàng năm giao cho Cục Hải quan tỉnh

Quảng Ngãi đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt, công chức được phân công thực hiện đề xuất kế hoạch thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan giao cho đơn vị.

Ví dụ: Trong năm 2016, Tổng cục Hải quan giao cho Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi thực hiện kiểm tra đánh giá tính tuân thủ pháp luật năm 2016 đối với 03 doanh nghiệp theo quyết định số 41/QĐ-TCHQ ngày 29/01/2016 của Tổng cục Hải quan. Sau khi có quyết định phân công của Tổng cục Hải quan, công chức được phân công tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết kiểm tra sau thông quan đối với các doanh nghiệp nêu trên và đề xuất lãnh đạo phê duyệt kiểm tra.

Đề xuất kiểm tra

Sau khi xác định được đối tượng kiểm tra cụ thể, công chức được phân công thực hiện đề xuất kiểm tra và tiếp tục tiến hành thu thập, phân tích thông tin chi tiết, toàn diện hơn về đối tượng đã được lựa chọn như thông tin về tên và địa chỉ cụ thể của người khai hải quan cần kiểm tra; Tóm tắt nội dung cần kiểm tra như nguồn gốc hàng hóa, chính sách mặt hàng, bản chất chủng loại hàng hóa, số lượng hàng hóa, trị giá, mã số, của hàng hóa; Các tờ khai hải quan cần kiểm tra; Các bằng chứng bước đầu đã thu thập được; Dự kiến các nội dung cần kiểm tra... Đồng thời, công chức được phân công thực hiện rà soát trên hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp phục vụ kiểm tra sau thông quan và quản lý rủi ro (Hệ thống STQ) để tránh đề xuất trùng đối tượng kiểm tra, cụ thể:

Trường hợp đề xuất kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan: Tra cứu trên hệ thống, nếu đối tượng đề xuất được Chi cục Hải quan khác kiểm tra cùng thời điểm thì đề xuất kiểm tra vào thời điểm khác hoặc chuyển Chi cục Kiểm tra sau thông quan xem xét kiểm tra để tránh trùng lặp.

Trường hợp đề xuất kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan: Công chức được phân công khi cập nhật phiếu đề xuất, nếu hệ thống STQ cảnh báo đối tượng kiểm tra đang được đơn vị khác đề xuất thì báo cáo người có thẩm quyền quyết định kiểm tra chưa ban hành quyết định kiểm tra, thực hiện phối hợp, trao đổi thông tin và thống nhất đơn vị kiểm tra giữa hai đơn vị. Trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Tổng cục Hải quan (qua Cục Kiểm tra sau thông quan) phân công đơn vị kiểm tra.

Công chức lập phiếu đề xuất kiểm tra ghi rõ nội dung dự kiến kiểm tra, số lượng tờ khai theo dấu hiệu vi phạm cụ thể, dự kiến số thu (nếu có) để quyết định kiểm tra sau thông quan. Phiếu đề xuất kèm theo các hồ sơ, chứng từ, dữ liệu, thông tin có dấu hiệu vi phạm, thông tin quản lý rủi ro thu thập được, kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, dự thảo quyết định kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan hoặc người khai hải quan báo cáo Lãnh đạo quyết định. Phiếu đề xuất phải có số, ký hiệu, phải được đơn vị mở sổ theo dõi từ khi phát hành đến khi cập nhật xong kết quả xử lý vụ việc.

Bước ba: Phê duyệt, ký ban hành thông báo kiểm tra/quyết định kiểm tra

Căn cứ vào phiếu đề xuất do công chức được phân công thực hiện thu thập xử lý thông tin, Chi cục trưởng/Cục trưởng xem xét, phê duyệt và ký ban hành thông báo kiểm tra hoặc quyết định kiểm tra.

Trường hợp Chi cục trưởng/Cục trưởng chưa rõ hay chưa đồng ý với nội dung đề xuất của công chức được phân công thì ghi rõ ý kiến, chỉ đạo công việc tiếp theo để xác định rõ hơn về đối tượng kiểm tra.

Bước bốn: Thực hiện kiểm tra

Chuẩn bị kiểm tra

Để thực hiện kiểm tra đoàn kiểm tra theo quyết định kiểm tra đã được ban hành tại bước 3 phải chuẩn bị trước các nội dung dự kiến kiểm tra, cụ thể như sau:

Căn cứ vào thông báo kiểm tra hoặc quyết định kiểm tra đã được Chi cục trưởng/Cục trưởng ký ban hành, trưởng đoàn kiểm tra tiến hành họp đoàn kiểm tra và thực hiện phân công việc chuẩn bị, lập kế hoạch kiểm tra chi tiết như phạm vi kiểm tra; nội dung kiểm tra; thời gian kiểm tra; dự kiến những công việc phải làm; phân công nhiệm vụ cho các thành viên của đoàn kiểm tra; dự kiến các tình huống và biện pháp xử lý tình huống; thông tin liên lạc; kế hoạch hậu cần... để tổ chức, thực hiện cuộc kiểm tra.

Công bố quyết định kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan

Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra ngay phiên hoặc ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở người khai hải quan, cụ thể nội dung công bố quyết định như: Trưởng đoàn kiểm tra đọc nội dung quyết định kiểm tra, nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn của trưởng đoàn và các thành viên, quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan theo quy định của pháp luật; Trưởng đoàn kiểm tra yêu cầu người khai hải quan kiểm tra lại nội dung của quyết định trước khi tiếp nhận quyết định kiểm tra; Trưởng đoàn kiểm tra nêu những công việc người khai hải quan phải thực hiện; các sổ kế toán, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử... người khai hải quan phải chuẩn bị cung cấp; Trưởng đoàn kiểm tra yêu cầu người đại diện có thẩm quyền của người khai hải quan cung cấp cho đoàn kiểm tra danh sách thành phần hoặc người có liên quan thay mặt người khai hải quan được cử làm việc với đoàn trong quá trình kiểm tra, cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu theo yêu cầu, trực tiếp làm việc, giải trình về các nội dung kiểm tra và ký các biên bản kiểm tra. Người được phân công làm việc với đoàn kiểm tra phải là người có thẩm quyền, chức trách, nhiệm vụ, quản lý, phụ trách hoặc nắm vững những công việc thuộc phạm vi, nội dung kiểm tra mà cơ quan hải quan yêu cầu; Trưởng đoàn kiểm tra trao bản chính quyết định kiểm tra cho đại diện có thẩm quyền của người khai hải quan (nếu trước đó quyết định kiểm tra mới được gửi tới người khai hải quan bằng fax); Đoàn

kiểm tra lập biên bản công bố quyết định kiểm tra. Trưởng đoàn kiểm tra và người đại diện có thẩm quyền của người khai hải quan cùng ký vào biên bản công bố (người khai hải quan đồng thời đóng dấu trên biên bản công bố); Trường hợp người khai hải quan không chấp hành quyết định kiểm tra thì: Trưởng đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính và thực hiện xử phạt hoặc báo cáo Chi cục trưởng/Cục trưởng xử phạt theo quy định của pháp luật; Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo Chi cục trưởng/Cục trưởng xem xét quyết định xử lý về thuế trong trường hợp đủ cơ sở; Đoàn kiểm tra lập phiếu chuyển nghiệp vụ đề xuất Chi cục trưởng/Cục trưởng ký gửi đơn vị quản lý rủi ro. Đơn vị quản lý rủi ro có trách nhiệm xử lý trên hệ thống đánh giá người khai hải quan không chấp hành tốt pháp luật, áp dụng biện pháp kiểm tra của cơ quan hải quan đối với các lô hàng nhập khẩu tiếp theo của người khai hải quan.

Tiến hành kiểm tra

Công chức được phân công kiểm tra thực hiện kiểm tra, đối chiếu các hồ sơ hải quan, chứng từ thanh toán, sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến hàng hoá nhập khẩu trong phạm vi kiểm tra được người khai hải quan cung cấp cho đoàn kiểm tra; Thực hiện kiểm tra việc thực hiện lưu giữ hồ sơ hải quan của người khai hải quan; Thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa tồn kho tại kho người khai hải quan, đối chiếu với số liệu trên sổ sách, chứng từ kế toán và thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa nếu cần thiết và còn điều kiện.

Sau khi kết thúc từng nội dung trong quá trình kiểm tra, đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra ghi nhận nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra, kết luận những nội dung đã kiểm tra xong, những yêu cầu, đề nghị của mỗi bên. Trưởng đoàn kiểm tra và người đại diện có thẩm quyền của người khai hải quan xem xét nội dung biên bản kiểm tra và thực hiện ký tên vào biên bản.

Thời gian kiểm tra

Trường hợp tiến hành kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan thì thời hạn kiểm tra tối đa là năm (05) ngày làm việc.

Trường hợp tiến hành kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan thì thời hạn kiểm tra tối đa là mười (10) ngày làm việc. Đối với những trường hợp phức tạp được gia hạn thêm một (01) lần nhưng không quá 10 ngày làm việc. Tuy nhiên thực tế các cuộc kiểm tra tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi thường là kiểm tra trong vòng 10 ngày làm việc và ít khi phải gia hạn thời gian kiểm tra.

Bước năm: Báo cáo, đề xuất, xử lý kết quả kiểm tra

Sau khi kết thúc kiểm tra, công chức được phân công kiểm tra lập báo cáo kết quả kiểm tra gửi trưởng đoàn kiểm tra. Báo cáo kết quả kiểm tra nêu rõ nội dung kiểm tra và đề xuất phương án xử lý kết quả kiểm tra theo phạm vi công việc được phân công.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra lập báo cáo, đề xuất Chi cục trưởng/Cục trưởng xem xét, xử lý kết quả kiểm tra. Tuy nhiên thực tế tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi thì thường là ngay sau ngày kết thúc kiểm tra trưởng đoàn kiểm tra lập báo cáo đề xuất Chi cục trưởng/Cục trưởng xem xét, xử lý kết quả kiểm tra.

Bước sáu: Ban hành thông báo kết quả kiểm tra/kết luận kiểm tra

Căn cứ vào nội dung tại báo cáo kết quả kiểm tra của công chức được phân công kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra của trưởng đoàn kiểm tra, Chi cục trưởng/Cục trưởng chỉ đạo đoàn kiểm tra lập dự thảo thông báo kết quả kiểm tra/dự thảo kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan một (01) bản.

Căn cứ vào nội dung dự thảo thông báo kết quả kiểm tra/dự thảo kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra lập và nội dung giải trình của người khai hải quan, Chi cục trưởng/Cục trưởng ký ban hành thông báo kết quả kiểm tra/kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan một (01) bản.

Thời hạn ký ban hành thông báo kết quả kiểm tra tối đa là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra tối đa là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn giải trình của người khai hải quan. Tuy nhiên, thực tế thời gian ban hành thông báo kết quả kiểm tra/kết luận kiểm tra thường là ngay sau khi người khai hải quan có văn bản giải trình liên quan đến các nội dung được nêu trong dự thảo thông báo kết quả kiểm tra/ dự thảo kết luận kiểm tra.

Hình thức gửi thông báo kết quả kiểm tra/kết luận kiểm tra cho người khai hải quan bằng bưu điện hoặc trao trực tiếp. Tuy nhiên, thực tế tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi thường sử dụng hình thức trao trực tiếp nhiều hơn.

Bước bảy: Xử lý công việc liên quan đến kết quả kiểm tra

Căn cứ vào kết quả kiểm tra tại thông báo kết quả kiểm tra/kết luận kiểm tra, Chi cục trưởng/Cục trưởng chỉ đạo tiếp một số công việc liên quan đến kết luận kiểm tra cụ thể như:

Chi cục trưởng/Cục trưởng ký ban hành quyết định ấn định thuế, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (nếu có);

Phân công công chức thực hiện rà soát các vi phạm tương tự sau khi thông báo kết quả kiểm tra/kết luận kiểm tra; Phân công công chức lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (nếu có); Phân công công chức thực hiện giải quyết khiếu nại (nếu có); Phân công công chức tham gia giải quyết tố tụng hành chính tại Tòa án (nếu có).

Bước tám: Cập nhật thông tin và lưu trữ hồ sơ

Cập nhật thông tin trên hệ thống: Công chức được phân công thực hiện tiếp các công việc sau:

Cập nhật thông tin về nội dung, kết quả kiểm tra của từng vụ kiểm tra sau thông quan vào hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp phục vụ kiểm tra sau thông quan và quản lý rủi ro (hệ thống STQ); Cập nhật thông tin về quyết

định ấn định thuế vào hệ thống thông tin kế toán thuế XNK tập trung (hệ thống KTTT); Cập nhật thông tin về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan vào hệ thống thông tin vi phạm (hệ thống QLVP14); Cập nhật thông tin về giá tính thuế vào hệ thống thông tin quản lý dữ liệu giá tính thuế (hệ thống GTT02); Cập nhật thông tin về mã số, thuế suất được phân loại lại vào hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu phân loại và mức thuế (hệ thống MHS).

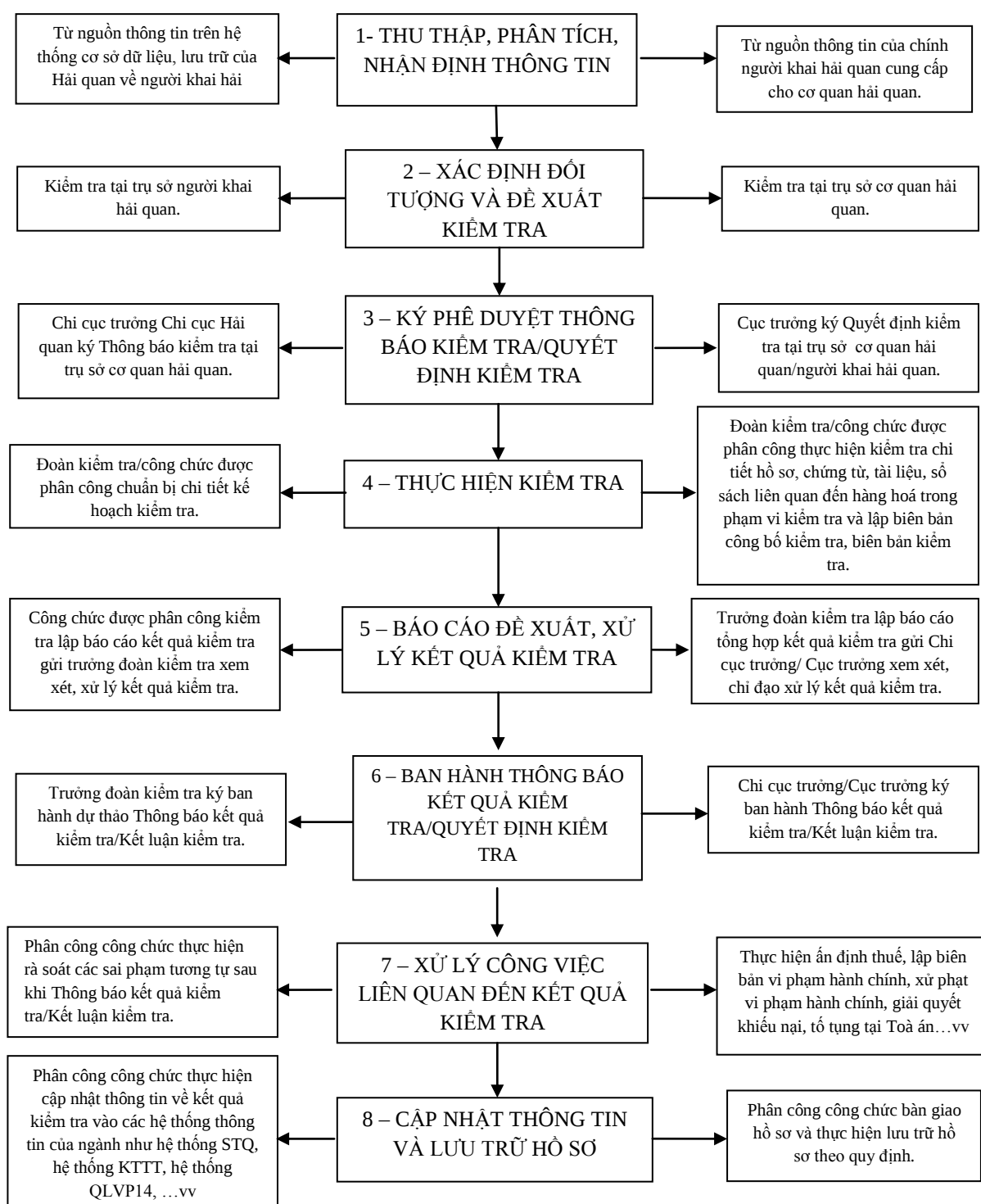
Thực hiện cung cấp thông tin về kết quả kiểm tra của từng vụ kiểm tra sau thông quan cho Phòng Quản lý rủi ro cập nhật thông tin vào hệ thống thông tin quản lý rủi ro (hệ thống RM).

Lưu trữ hồ sơ.

Sau khi kết thúc kiểm tra từng vụ kiểm tra sau thông quan, Lãnh đạo phân công công chức tiến hành lập biên bản bàn giao hồ sơ vụ việc cho bộ phận văn thư lưu trữ hồ sơ để phục vụ các quá trình quản lý, xử lý sau này.

Bộ phận văn thư thực hiện nhận hồ sơ, theo dõi hồ sơ theo thời gian diễn biến vụ việc từ khi bắt đầu đến khi kết thúc theo từng vụ việc.

Một bộ hồ sơ hoàn chỉnh, gồm các hồ sơ phát sinh ở các giai đoạn (có thể độc lập hoặc nối tiếp nhau): Hồ sơ thu thập, xử lý thông tin kiểm tra sau thông quan; Hồ sơ kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan; Hồ sơ kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan; Hồ sơ ban hành quyết định hành chính; Hồ sơ giải quyết khiếu nại; Hồ sơ giải quyết khiếu kiện hành chính (tổ tụng hành chính).



Sơ đồ 2.2. Quy trình KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu

2.2.3. Mô hình tổ chức KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi

Mô hình tổ chức KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện theo hai cấp:

Cấp Cục (Chi cục KTSTQ):

- Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý, kiểm tra hoạt động KTSTQ trong phạm vi địa bàn quản lý, tổ chức thực hiện các cuộc KTSTQ hoặc phân công Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ tổ chức thực hiện, chỉ đạo, tổ chức, quản lý đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan để đảm bảo việc thực hiện và xử lý kết quả kiểm tra theo quy định. Trường hợp KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan nằm ngoài địa bàn quản lý thì báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét phân công.

- Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ có trách nhiệm: Thừa ủy quyền ký quyết định, tổ chức thực hiện KTSTQ và xử lý kết quả KTSTQ đối với một số trường hợp; Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan theo thẩm quyền quy định về vi phạm hành chính; Tham mưu tổ chức, quản lý, hướng dẫn hoạt động KTSTQ trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi. Tổng hợp, theo dõi số liệu, nắm tình hình hoạt động, nhận các báo cáo về kết quả các cuộc KTSTQ của các Chi cục Hải quan để tham mưu đề xuất Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, Cục trưởng Cục KTSTQ chỉ đạo thực hiện thống nhất, hiệu quả, tránh trùng lặp; Cập nhật thông tin, hồ sơ, kết quả KTSTQ, báo cáo kết quả KTSTQ theo quy định của Tổng cục Hải quan.

Cấp Chi cục Hải quan:

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ký quyết định, tổ chức thực hiện KTSTQ và xử lý kết quả KTSTQ đối với một số trường hợp. Tổ chức thực hiện KTSTQ theo phân công của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh; Xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan theo thẩm quyền về xử phạt vi phạm hành chính; Cập nhật thông tin, hồ sơ, kết quả KTSTQ, báo cáo kết quả KTSTQ theo quy định của Tổng cục Hải quan [3].

2.3. Đánh giá chung những kết quả thực hiện pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại tỉnh Quảng Ngãi

2.3.1. Những thuận lợi

Trong thời gian qua, xác định KTSTQ là một khâu quan trọng trong công tác kiểm tra hải quan, bên cạnh việc chỉ đạo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, hiện đại hóa ngành hải quan, Lãnh đạo Cục không ngừng chỉ đạo và quan tâm sâu sát tới lực lượng KTSTQ tạo điều kiện để lực lượng KTSTQ phát triển về cả số lượng và chất lượng nhằm đẩy mạnh hiệu quả của công tác KTSTQ.

Đội ngũ cán bộ, công chức Chi cục KTSTQ tuy ít về số lượng nhưng đa số đều đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng với những chuyên ngành phù hợp theo yêu cầu của ngành. Do vậy, dễ dàng tiếp thu những kiến thức mới, kỹ năng nghiệp vụ mới, ứng dụng có hiệu quả những chương trình quản lý của ngành; không ngại khó khăn, thường xuyên có những cải tiến trong công tác quản lý để công việc ngày càng được giải quyết nhanh chóng, đạt hiệu quả cao.

Cơ cấu tổ chức của Chi cục KTSTQ tương đối ổn định, phân chia thành các bộ phận theo từng lĩnh vực cụ thể, chức năng nhiệm vụ của các bộ phận được phân định rõ ràng, không chồng chéo, thể hiện tính chuyên môn hóa cao. Cán bộ, công chức khi được phân công công tác đều được đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu công việc và đạt hiệu quả cao.

Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong hầu hết các khâu nghiệp vụ hải quan. Trên cơ sở chương trình dữ liệu điều tra cơ bản về doanh nghiệp, đơn vị đã phân loại doanh nghiệp để áp dụng các biện pháp quản lý thích hợp.

Tỷ trọng giữa số quyết định truy thu thuế/tổng số cuộc kiểm tra sau

thông quan càng nhỏ cho biết khả năng phân tích và lựa chọn đối tượng kiểm tra trong phạm vi hẹp so với đối tượng vi phạm. Từ đó phản ánh hiệu quả trong hoạt động KTSTQ đồng thời góp phần giảm thời gian, chi phí kiểm tra của Chi cục KTSTQ đối với những đối tượng không vi phạm.

Tổng số ấn định và tổng số thuế đã thu được cho ngân sách cao, cho thấy thông qua việc phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm đã góp phần thu thuế đáng kể cho ngân sách. Các đối tượng bị kiểm tra đã chấp hành kết luận KTSTQ và các nghĩa vụ về thuế theo quy định, không xảy ra khiếu nại, khiếu kiện.

Qua thời gian triển khai, thực hiện kết quả hoạt động KTSTQ có tác dụng phần nào trong việc răn đe, ngăn ngừa những ý định gian lận thuế của doanh nghiệp. Nhiều cuộc KTSTQ được kết luận không có hành vi cố ý gian lận và không xử phạt vi phạm hành chính và chỉ thu đủ phần thuế còn thiếu.

Với việc chuyển dần công tác kiểm tra giám sát của cơ quan hải quan từ khâu kiểm tra trước và trong thông quan sang kiểm tra sau được thực hiện ngay bước đầu tại cửa khẩu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp có thể nhận hàng phục vụ ngay sản xuất và lưu thông, giảm thời gian chờ đợi thông quan, cung cấp và giải trình sau khi hàng hóa đã thông quan.

Công tác KTSTQ được phân bố đều tại các đơn vị trực thuộc, không phải tập trung một đầu mối là Chi cục KTSTQ như trước kia. Do đó đã tận dụng tối đa nguồn nhân lực, giải quyết cơ bản và triệt để những nghi vấn tại các Chi cục Hải quan.

Những mâu thuẫn lớn và những trường hợp phát sinh phức tạp sẽ được xem xét xử lý tại khâu KTSTQ cấp Cục (Chi cục KTSTQ) giúp cho việc định hướng công tác KTSTQ tại các cấp được cụ thể, rõ ràng hơn.

Đến nay công tác KTSTQ đã đạt được một số kết quả nổi bật, số thu năm sau cao hơn năm trước; số cuộc kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan đã

được chú trọng đẩy mạnh.

Hoạt động hiệu quả của KTSTQ đã góp phần ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại, trốn thuế của các đối tượng tham gia hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn.

2.3.2. Những hạn chế

Trong thời gian qua, hoạt động KTSTQ trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều bước chuyển vượt bậc nói chung, trong đó hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu có những bước thay đổi đáng kể. Bên cạnh những thuận lợi thì vẫn còn nhiều mặt hạn chế cần phải được hoàn thiện:

Thứ nhất, số lượng cuộc KTSTQ còn thấp chưa tương xứng với số lượng doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn. Trong giai đoạn vừa qua, số cuộc KTSTQ thực hiện chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ (khoảng 7%) so với số lượng doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn.

Thứ hai, bố trí cán bộ làm công tác KTSTQ quá ít so với yêu cầu khối lượng công việc, lượng cán bộ công chức của Chi cục KTSTQ là chiếm khoảng 8% biên chế của Cục chưa đạt được tỉ lệ 10% biên chế theo chỉ tiêu kế hoạch của Tổng cục Hải quan, cán bộ thực hiện công tác KTSTQ kiêm nhiệm với các công việc khác dẫn đến không đủ nguồn lực thực hiện công tác KTSTQ. Năng lực cán bộ không đồng đều, 3 kỹ năng quan trọng trong hoạt động KTSTQ đó là: Kỹ năng lập biên bản, hỏi đáp đối thoại với doanh nghiệp; Kỹ năng kiểm tra hệ thống kế toán, kiểm toán; Kỹ năng thu thập chứng cứ, phân tích dữ liệu thông tin còn nhiều hạn chế. Đây cũng là một trong những lý do làm số lượng cuộc KTSTQ thấp.

Công chức KTSTQ tuy đa số có trình độ đại học nhưng còn hạn chế kinh nghiệm, kỹ năng. Từ đó khó khăn trong việc phân tích, lựa chọn và kiểm tra hồ sơ hải quan, áp dụng các kỹ năng nghiệp vụ KTSTQ đặc biệt là các nội dung mang tính chuyên môn như kiểm toán, điều tra, tham vấn.

Thứ ba, việc thu thập thông tin, dữ liệu của ngành trên hệ thống VNACCS/VCIS chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác KTSTQ. Các chương trình phần mềm, cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ KTSTQ còn nghèo nàn, chưa phù hợp, chưa cập nhật đủ các tiêu chí, nội dung cần thiết. Việc tra cứu chi tiết tập tin đính kèm trên hệ thống VNACCS/VICS, hệ thống này chỉ thiết kế cho phép tham chiếu tệp đính kèm trong vòng 6 ngày kể từ ngày tệp đính kèm khai báo điện tử thành công. Do đó, quá thời hạn nêu trên, Chi cục không thể tham chiếu được các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan trong quá trình thu thập thông tin, cũng như phục vụ việc KTSTQ đối với các tờ khai phát hiện dấu hiệu vi phạm. Tổng cục Hải quan đã triển khai chương trình phần mềm quản lý thông tin doanh nghiệp hỗ trợ cho công tác KTSTQ (STQ01), tuy nhiên đến nay chưa được hoàn thiện, mới đáp ứng việc cập nhật, khai thác thông tin trong công tác.

Hệ thống cơ sở dữ liệu về giá tính thuế (GTT02) chưa được các đơn vị trong ngành cập nhật đầy đủ, kịp thời làm ảnh hưởng đến công tác khai thác, so sánh, kiểm tra trị giá tính thuế nhập khẩu. Hơn nữa hệ thống này có khá nhiều lỗi, tốc độ tra cứu thông tin chậm, hệ thống thường xuyên bị lỗi không tra cứu được, số liệu kết xuất thường không đầy đủ.

Thứ tư, công tác phối hợp với các cơ quan chưa đạt hiệu quả cao. Mặc dù trong thời gian qua Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện phối kết hợp với các đơn vị liên quan như Cục thuế, Công an, Kho bạc, Quản lý thị trường... thông qua hình thức ký kết quy chế phối hợp. Tuy nhiên, ở cấp độ Chi cục như Chi cục KTSTQ thì chưa có quy chế phối hợp riêng với các đơn vị này. Do vậy, việc hỗ trợ trao đổi thông tin còn chưa được chủ động, kịp thời đáp ứng các yêu cầu KTSTQ.

Thứ năm, tình hình gian lận, trốn thuế ngày càng gia tăng với nhiều thủ đoạn tinh vi.

Các hành vi gian lận về mã số hàng hóa, thuế suất diễn ra phổ biến. Do tính phức tạp của hàng hóa dễ gây nhầm lẫn khi phân loại áp mã số thuế và thuế suất nên tại các Chi cục Hải quan vẫn còn nhiều trường hợp một mặt hàng được nhập khẩu nhiều lần nhưng cơ quan Hải quan chấp nhận, hướng dẫn doanh nghiệp phân loại vào nhiều mã số thuế khác nhau có mức thuế suất chênh lệch như các mặt hàng hóa chất, thép... Điều này gây khó khăn cho lực lượng KTSTQ khi làm việc, đấu tranh với doanh nghiệp để điều chỉnh, truy thu thuế, dễ gây bức xúc.

Gian lận trong lĩnh vực giá cũng diễn ra phổ biến với các hình thức như khai báo giá thấp làm giảm số tiền thuế nhập khẩu phải nộp, khai tăng giá để làm tăng số thuế được hoàn. Trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu đã được áp dụng theo trị giá GATT, tuy nhiên công tác kiểm tra xác định trị giá tính thuế trong thông quan cũng như KTSTQ chưa đạt được hiệu quả, thể hiện kết quả tỷ lệ bác bỏ trị giá khai báo chỉ chiếm khoảng 1% trên tổng số tờ khai trị giá phát sinh hàng năm. Ngoài ra, các yếu tố cơ sở pháp lý, các chế tài để xử lý hành vi vi phạm không theo kịp những hành vi thủ đoạn gian lận ngày càng tinh vi của doanh nghiệp. Đặc biệt đối với doanh nghiệp nước ngoài đã làm ăn lâu dài ở các nước đang phát triển khác trước khi đến Việt Nam, họ có kinh nghiệm cũng như có hệ thống tư vấn pháp lý hùng hậu hoạt động lâu năm trong lĩnh vực đầu tư tại nước ngoài.

Thứ sáu, do chế độ chính sách pháp luật đối với quản lý hàng hóa nhập khẩu thường xuyên thay đổi, đặc biệt là chính sách về mặt hàng và chính sách về thuế suất, do đó việc kiểm tra theo dõi nắm tình hình đối tượng nộp thuế để xác định thông tin, đối tượng nghi vấn và tiến hành KTSTQ chưa được kịp thời dẫn đến còn nhiều mặt hàng nhập khẩu có nghi vấn chưa được tiến hành KTSTQ một cách kịp thời. Kết cục là chưa thực sự triệt để hạn chế, ngăn ngừa các hành vi gian lận, sai phạm về chính sách mặt hàng, gian lận về thuế

nhập khẩu phải nộp ngân sách nhà nước.

Thứ bảy, một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan còn chồng chéo, thiếu cụ thể, gây nhiều cách hiểu khác nhau khi thực hiện, chẳng hạn như có trường hợp một mặt hàng do nhiều Bộ cùng quản lý, cùng lấy mẫu và thực hiện kiểm tra chuyên ngành, việc này gây phức tạp và phát sinh nhiều thủ tục, khó khăn trong quá trình thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu. Chồng chéo trong trường hợp cùng một đối tượng mặt hàng nhưng có văn bản yêu cầu phải kiểm tra chuyên ngành trong khi văn bản khác lại nêu hàng đó không phải kiểm tra chuyên ngành. Các chồng chéo trong quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành đã gây khó khăn, lãng phí và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và trong khi đó cơ quan Hải quan cũng gặp phải không ít vướng mắc khi làm thủ tục cho doanh nghiệp. Bất cập trong công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan Hải quan đó là cơ quan Hải quan đang sử dụng mã HS để quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu nhưng việc ban hành danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành của các Bộ quản lý chuyên ngành hiện chỉ có một ít các danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành được cụ thể mã số HS, còn lại chỉ nêu các đối tượng mặt hàng chung chung không có mã HS. Ví dụ như gỗ và sản phẩm của gỗ...

Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn còn ít, chưa được cập nhật thường xuyên, việc trao đổi thông tin với các ngành liên quan còn bất cập, phương thức, thủ đoạn gian lận trốn thuế của một số doanh nghiệp ngày càng tinh vi.

2.3.3. Nguyên nhân

Công tác KTSTQ tại Chi cục KTSTQ Quảng Ngãi trong thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng kể, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế như đã nêu ở trên. Những hạn chế này là do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Bộ máy tổ chức của Chi cục KTSTQ chưa được hoàn thiện. Mô hình cơ cấu tổ chức của Chi cục KTSTQ tuy đã được sắp xếp thành các bộ phận nghiệp vụ cụ thể, tuy nhiên nguồn nhân lực vẫn chưa đủ về số lượng. Mặt khác, công tác luân chuyển cán bộ trong các đơn vị thuộc Cục được luân chuyển thường xuyên (03 năm/01 lần) nên ảnh hưởng nhiều đến công tác đào tạo bồi công chức KTSTQ có kinh nghiệm, chuyên sâu trong từng lĩnh vực kiểm tra.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phần nào chưa đáp ứng nhu cầu KTSTQ. Trong thời gian qua, Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã đề xuất Tổng cục Hải quan phê duyệt trang bị cho Chi cục KTSTQ nhiều trang thiết bị như laptop, máy chụp ảnh, máy quay... Tuy nhiên, cần trang bị thêm cho Chi cục một số thiết bị đặc chủng như máy nhận biết, giám định tài liệu và các trang thiết bị tương tự công nghệ cao. Việc trang bị các thiết bị hỗ trợ này giúp cho công tác KTSTQ thuận lợi, nâng cao hơn.

- Sự hợp tác giữa cơ quan Hải quan và các doanh nghiệp, các Hiệp hội, ngành hàng chưa chặt chẽ. Khó khăn trong thu thập thông tin từ doanh nghiệp và các cơ quan liên quan. Hoạt động xác minh thông tin từ một số đơn vị trong và ngoài ngành còn gặp nhiều khó khăn như việc không hợp tác cung cấp thông tin có liên quan đến việc KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu của các doanh nghiệp như Hãng vận tải, Đơn vị giám định, Ngân hàng... Bên cạnh đó, về công tác phối hợp với các cơ quan liên quan, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về mối quan hệ trao đổi thông tin giữa Hải quan với cơ quan liên quan về công tác KTSTQ như các cơ quan Kiểm toán, Thuế, Bảo hiểm, Quản lý thị trường, các hãng tàu.... Chưa có quy chế trao đổi kinh nghiệm và cung cấp thông tin với lực lượng KTSTQ ở các nước trong khu vực cũng như trong WCO.

- Về việc đấu tranh phát hiện các hành vi vi phạm, hiện nay Biểu thuế hiện hành đã áp dụng mã hóa hàng hóa ở mức độ 8 chữ số, tuy nhiên nhiều

loại hàng có tính chất đặc thù chưa được chi tiết và được nêu chung chung trong Biểu thuế dẫn đến dễ gây nhầm lẫn khi phân loại hàng hóa. Bên cạnh đó, còn tồn tại rất nhiều văn bản hướng dẫn dưới luật của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan hướng dẫn mã số thuế cho những mặt hàng cụ thể. Do vậy, nên rất khó khăn cho công chức trong việc tra cứu, kiểm tra phân loại hàng hóa cho phù hợp, đúng bản chất hàng hóa, tránh thất thu thuế.

- Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo GATT mới được áp dụng từ năm 2005, rất còn mới mẻ đối với công chức Hải quan và doanh nghiệp, thông tin về giá vẫn còn rất hạn hẹp, chủ yếu dựa vào chương trình dữ liệu khai báo trị giá tính thuế hải quan của Tổng cục Hải quan.

- Có sự thay đổi thường xuyên về chế độ chính sách mặt hàng của các bộ, ngành có liên quan trong việc quản lý hàng hóa nhập khẩu. Ngay cả chính sách hoạt động về KTSTQ cũng có sự thay đổi lớn, quy trình KTSTQ của ngành thường xuyên được thay đổi để phù hợp với điều kiện tình hình mới như Luật Hải quan, quy trình thông quan tự động qua hệ thống VNACCS/VCIS,... hệ thống phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu cũng liên tục được cập nhật thay đổi chưa được hoàn thiện cũng rất ảnh hưởng đến hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Việc triển khai thực hiện dự án VNACCS/VCIS kể từ ngày 01/4/2014 mà chưa có dữ liệu bảo đảm và tập huấn chi tiết dẫn đến nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc thu thập, phân tích thông tin làm cơ sở để tiến hành KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Việc kiểm tra xuất xứ hàng hóa mới chỉ chủ yếu là kiểm tra C/O đối với hàng nhập khẩu và phát hiện ra các lỗi về hình thức, nội dung của giấy chứng nhận xuất xứ mà chưa thực hiện được việc kiểm tra xem lô hàng có đáp ứng được tiêu chuẩn xuất xứ theo Hiệp định thương mại tự do quy định.

- Cán bộ công chức hải quan mặc dù đều đã được tập huấn về trị giá tính thuế GATT, đồng thời Cục cũng đã xây dựng các danh mục hàng hóa trọng điểm, hàng hóa rủi ro về giá nhưng trên thực tế công chức làm công tác kiểm tra giá tính thuế của các Chi cục chưa đồng đều về chuyên môn, chưa được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực này, chưa có kinh nghiệm và thường xuyên được điều động, luân chuyển từ các khâu nghiệp vụ khác. Ngoài ra, đơn vị còn thiếu nhiều hệ thống thông tin về giá hàng hóa nhập khẩu cho danh mục quản lý rủi ro về giá, việc này cũng đã để lại nhiệm vụ khó khăn cho lực lượng KTSTQ.

Kết luận chương 2

Trong những năm gần đây, đa số các doanh nghiệp trên địa bàn chấp hành tốt pháp luật về hải quan, do đó tình trạng doanh nghiệp vi phạm pháp luật về hải quan tại đơn vị đã giảm đáng kể. Các trường hợp vi phạm pháp luật phần lớn do nhận thức, hiểu biết văn bản của doanh nghiệp chưa đầy đủ như xác định đối tượng miễn thuế, các khoản phải cộng vào trị giá tính thuế ... Những hành vi gian lận về trị giá tính thuế, gian lận kê khai định mức hàng gia công ... cũng được phát hiện kịp thời, có biện pháp xử lý vi phạm phù hợp quy định và thu đủ thuế nộp ngân sách nhà nước.

Đơn vị thường xuyên thu thập thông tin liên quan đến tình hình xuất nhập khẩu, chính sách hàng hóa, chính sách thuế ... của các công ty tham gia hoạt động xuất nhập khẩu tại đơn vị hoặc các hồ sơ theo kế hoạch hoặc dấu hiệu nghi vấn; phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành có liên quan để xác minh các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan tại các đơn vị có liên quan như ngân hàng thương mại, Cục Thuế tỉnh ... để củng cố thông tin phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan.

Việc thay đổi từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau thông quan là một yêu cầu tất yếu trong xu hướng hội nhập quốc tế. Đây mạnh kiểm

tra sau thông quan giúp tiết kiệm chi phí lưu kho bãi cho doanh nghiệp, giảm thất thoát tài chính do hàng hóa chậm lưu thông ra thị trường, tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN TỈNH QUẢNG NGÃI

3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm tra sau thông quan

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật hải quan

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan theo hướng hiện đại, đồng bộ, tuân thủ chủ trương về cải cách thủ tục hành chính và các chuẩn mực, cam kết quốc tế.

Xây dựng hệ thống pháp luật hải quan hiện đại bao gồm đầy đủ các quy định về thủ tục hải quan, chế độ quản lý hải quan và các cơ chế tạo thuận cho hoạt động thương mại, các quy định về quản lý thuế, kiểm soát biên giới, chế tài, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, quy định quyền hạn của cơ quan hải quan tương xứng với trách nhiệm thực thi pháp luật hải quan.

Rà soát, điều chỉnh hệ thống văn bản pháp luật về hải quan cho phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Hệ thống hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật quản lý nhà nước về hải quan tạo thuận lợi cho việc tra cứu, tiếp cận hệ thống pháp luật hải quan của người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về KTSTQ theo hướng phù hợp với chuẩn mực của WCO theo đó mở rộng đối tượng, phạm vi KTSTQ và thời gian KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan trên cơ sở kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất của cơ quan hải quan để đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Mở rộng thẩm quyền cho cán bộ KTSTQ đặc biệt là quyền điều tra đối với các doanh nghiệp đã có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan, quyền cưỡng chế không làm thủ tục hải quan, truy thu thuế. Việc xác định đối tượng KTSTQ, phạm vi KTSTQ phải được thực hiện trên nền tảng của thông tin và hệ thống quản

lý rủi ro và quy trình KTSTQ theo chuẩn mực quốc tế.

Xây dựng và đưa vào áp dụng Biểu thuế xuất nhập khẩu phù hợp với các tiêu chuẩn thống nhất của thế giới. Hiện nay, Biểu thuế hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam còn nhiều điểm bất cập gây ra nhiều vướng mắc trong quá trình thực thi đối với cơ quan Hải quan các cấp. Chẳng hạn như quy định mức thuế suất vừa theo phân loại hàng hóa vừa theo xuất xứ làm cho biểu thuế quá phức tạp và dẫn đến nhiều mức thuế cho cùng một mặt hàng. Việc ban hành biểu thuế với nhiều thứ thuế suất cao, thấp còn căn cứ vào mục đích sử dụng chứ không theo tính chất hàng hóa nên nhiều mặt hàng có cùng tính chất nhưng mục đích sử dụng khác nhau có thuế suất nhập khẩu chênh lệch khá lớn cho nên nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng điều này để thực hiện hành vi gian lận, trốn thuế. Biểu thuế xuất nhập khẩu thay đổi và không được cập nhật trên sách biểu thuế gây bất tiện cho việc tra cứu các mục hàng, biểu thuế còn nhiều tóm tắt, chưa liệt kê rõ các mặt hàng cũng như chưa nói rõ trong trường hợp nào thì áp dụng mã nào. Nên giải thích rõ các mặt hàng là gì trong các mục ghi loại khác, ban hành các tài liệu cập nhật về biểu thuế xuất nhập khẩu, phát hành file biểu thuế xuất nhập khẩu dưới định dạng excel và đăng tải lên trang web của Tổng cục Hải quan để doanh nghiệp thuận tiện tra cứu. Cần cơ cấu lại kết cấu của Biểu thuế để khắc phục tình trạng tỷ lệ chênh lệch giữa các mức thuế không phù hợp khiến cho doanh nghiệp dễ lợi dụng yếu tố tương tự của hàng hóa, sản phẩm được quy định ở dòng thuế có thuế nhập khẩu cao với một loại hàng hóa, sản phẩm khác được quy định ở dòng thuế có thuế nhập khẩu thấp để khai báo sai gian lận, trốn thuế. Các mặt hàng có hình thức giống nhau, nếu kiểm tra thực tế hàng hóa bằng mắt thường thì khó có thể phân biệt được sự khác nhau. Những mặt hàng có công dụng chung, đặc thù, tại biểu thuế xây dựng dòng thuế có mức thuế chênh lệch thuế suất cho cùng một nhóm hàng có mô tả hoặc tính chất gần tương tự nhau.

Cùng một mặt hàng, thoát nhìn có thể được phân loại ở nhiều nhóm khác nhau tại biểu thuế nhập khẩu, có sự chênh lệch về thuế suất lớn thường được doanh nghiệp nghiên cứu để khai báo gian lận, trốn thuế.

Diễn hình một số vụ việc như: Doanh nghiệp áp mã số mặt hàng máy làm sạch mọt, máy sàng vào mã số 84371010 “Máy làm sạch, tuyển chọn hoặc phân loại hạt giống, hạt ngũ cốc hay các loại đậu đã được làm khô” thuế suất nhập khẩu 5%, thuế suất GTGT 10%. Tuy nhiên, tại chú giải HS chương 84 – phân nhóm 84371010 chi tiết: Nhóm này bao gồm các máy dùng để làm sạch, phân loại hoặc xếp bậc ngũ cốc, rau đậu, hạt... bằng cách quạt, sàng, sàng (xử lý ở khâu hạt còn thô). Trong quá trình kiểm tra, doanh nghiệp giải trình máy làm sạch mọt, máy sàng nêu trên được sử dụng tại khâu nghiền hạt, vì vậy những máy móc, thiết bị này được sử dụng tại khâu sau làm sạch, phân loại hạt, vì vậy phải áp vào mã 8437.80.51- Máy khác, thuế suất nhập khẩu 20%, thuế suất GTGT 10% [Nguồn Tổng cục Hải quan]

Trong quá trình thực hiện KTSTQ đối với việc phân loại, áp mã cũng đã nảy sinh rất nhiều các trường hợp phân loại, áp mã sai hàng hóa xuất nhập khẩu gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước bởi doanh nghiệp lợi dụng các kẽ hở trong quản lý và trong các quy định của pháp luật để “lách luật” gây không ít khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước trong đó có lực lượng KTSTQ. Trong phạm vi cam kết quốc tế, đề xuất sửa đổi mức thuế nhập khẩu để đảm bảo những mặt hàng dễ lẫn có cùng một mức thuế hoặc mức chênh lệch thuế không lớn để tránh sự lợi dụng của doanh nghiệp. Chẳng hạn như xe đạp đua thì thuế suất 5% nhưng xe đạp thường thì thuế suất đến 70% hay xe ô tô 4 chỗ thì thuế suất 200% trong khi đó xe cứu thương thì chỉ có 0%, chính vì mức thuế chênh lệch quá lớn như vậy nên doanh nghiệp đã ngụy trang dưới hình thức là nhập khẩu xe ô tô du lịch nhưng lắp thêm đèn, còi thành xe cứu thương để được hoàn thuế. Đồng thời xây dựng Thông tư hướng dẫn về

KTSTQ theo Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu mới. Hoàn chỉnh lại quy trình KTSTQ cho phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Hải quan và Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu mới.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về thuế

Công tác quản lý thuế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày một đặt ra nhiều vấn đề phức tạp. Vì vậy, hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế là hết sức cần thiết.

Chính sách thuế của Nhà nước là một trong những công cụ quản lý hoạt động xuất nhập khẩu. Thời gian qua, Nhà nước đã không ngừng cải cách, sửa đổi bổ sung đảm bảo hợp lý, công khai, minh bạch và bình đẳng hơn. Tuy nhiên, chính sách thuế cũng còn tiềm ẩn một số yếu tố rủi ro.

Đối với luật thuế nhập khẩu cần thu hẹp đối tượng miễn, giảm thuế; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cần thu hẹp các khoản ưu đãi thuế, cần bổ sung quy định về chuyển giá để đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình chuyển giá trong nước, cần bổ sung quy định liên quan đến biện pháp cưỡng chế về thuế và ân hạn nộp thuế với hàng hóa nhập khẩu. Trong quản lý thuế, cơ quan thuế không thể nắm bắt được toàn bộ các kiến thức chuyên ngành thuộc lĩnh vực khác nhau trong toàn bộ nền kinh tế nên cần có một hội đồng tham vấn cho người ra quyết định xử lý. Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết cho phép sử dụng những thông tin được cung cấp từ ngoài nước trong việc thanh tra chống chuyển giá nhưng thực tế ở Việt Nam chưa có văn bản pháp luật nào cho phép sử dụng hợp pháp và công khai các thông tin này. Ngoài ra cũng cần bổ sung các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế bao gồm các đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc cung cấp thông tin phục vụ hoạt động chống chuyển giá. Để triển khai hoạt động kê khai thuế điện tử, ngoài các phương tiện liên quan đến

các vấn đề kỹ thuật như an toàn bảo mật và các tổ chức thực hiện các dịch vụ chứng thư điện tử, cấp chữ ký điện tử của các bộ phận liên quan, Bộ Tài chính cũng cần ban hành thông tư hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

3.2. Hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy kiểm tra sau thông quan

Trước yêu cầu và nhiệm vụ mới, Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi cần tiếp tục đẩy mạnh công tác KTSTQ, vì vậy cần phải tăng cường, bổ sung biên chế cho lực lượng KTSTQ; bố trí công chức chuyên trách thực hiện KTSTQ tại các Chi cục Hải quan đảm bảo đủ số lượng có kinh nghiệm về công tác KTSTQ đáp ứng khối lượng công việc, đảm bảo phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc được giao, tăng theo lộ trình hàng năm. Việc tăng cường lực lượng là để đảm bảo cho các nghiệp vụ được tiến hành thông suốt, kịp thời, đáp ứng nhu cầu quản lý chung và nhiệm vụ KTSTQ mà đặc biệt là KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu.

Ngoài việc tăng cường biên chế cho lực lượng KTSTQ, Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi cũng cần đề xuất thành lập các đội, tổ hoặc bộ phận KTSTQ tại các Chi cục Hải quan.

Kiến nghị TCHQ sớm sửa đổi, bổ sung quyết định số 1169/QĐ-TCHQ ngày 09/6/2010 của Tổng cục Hải quan quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan trực thuộc Cục Hải quan, liên tỉnh, thành phố về nhiệm vụ kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan theo Luật Hải quan số 54/2015/QH13 ngày 23/6/2014 và có hướng dẫn thống nhất về cơ cấu tổ chức (tổ hay bộ phận thuộc Đội nào?), số lượng (bao nhiêu) để tổ chức thực hiện hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ với các tiêu chí đánh giá như: tốc độ gia tăng khối lượng công việc KTSTQ; khả năng đáp ứng yêu cầu công việc công chức hải quan ở vị trí công tác hiện tại; trình độ chuyên môn của

công chức hải quan; nhu cầu luân chuyển công tác của cán bộ, công chức trong đơn vị...

3.3. Nâng cao năng lực của công chức làm công tác kiểm tra sau thông quan

Hiện nay đội ngũ cán bộ làm công tác KTSTQ tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã được tăng cường về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Cơ cấu bộ máy ngày càng hợp lý, đội ngũ cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, có phẩm chất đạo đức, có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, đội ngũ cán bộ còn bộc lộ một số hạn chế như tuy đã được tăng cường về lượng nhưng chưa đáp ứng về chất, chất lượng không đồng đều, vẫn còn nhiều bất cập so với yêu cầu. Số cán bộ trẻ tuy được đào tạo cơ bản nhưng chưa có kinh nghiệm, vì vậy cần phải:

- Rà soát, sắp xếp bố trí lại nhân sự để tăng cường, nâng cao năng lực KTSTQ cũng như thực hiện mục tiêu xây dựng lực lượng “hậu kiểm” chuyên nghiệp, hiện đại, đây là yêu cầu cần thiết và cấp bách nhất. Việc đầu tiên là rà soát các cán bộ, công chức có đủ điều kiện làm công tác KTSTQ từ đó xây dựng kế hoạch sắp xếp bố trí, hoán đổi vị trí công tác. Ưu tiên lựa chọn cán bộ thông thạo nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt và đã qua đào tạo về kế toán doanh nghiệp để bố trí làm công tác KTSTQ.

- Xây dựng chi tiết kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức để công tác KTSTQ đạt được hiệu quả cao nhất khi thực hiện quy định mới thì cán bộ, công chức cần phải nâng cao hơn nữa hiểu biết về kế toán doanh nghiệp. Nâng cao kỹ năng kiểm tra, phân tích số liệu kế toán trên sổ sách chứng từ kế toán của doanh nghiệp nhằm để bóc tách số liệu thực hiện việc đối chiếu, thẩm định nội dung khai báo của doanh nghiệp. Phải rà soát nhân sự, xác định số biên chế dự kiến sẽ bố trí làm công tác KTSTQ từ đó xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo để kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

mới, vì đây là tiền đề để bố trí, sử dụng cán bộ vào các vị trí công tác phù hợp. Cần đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để giúp cán bộ, công chức có đủ kỹ năng làm việc với doanh nghiệp, vì làm việc với doanh nghiệp có thể nói là kỹ năng then chốt quyết định thành công của một cuộc KTSTQ. Công việc này đòi hỏi cán bộ, công chức phải có kỹ năng xử lý tình huống, khả năng phân tích, kỹ năng phối hợp; tự tin nắm vững kiến thức pháp luật, thông thạo nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp phải chuẩn mực, khéo léo khai thác toàn bộ thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài kiến thức chuyên môn nghiệp vụ hải quan, cán bộ công chức cần nghiên cứu thêm tính năng của hệ thống máy móc, thiết bị, linh kiện; cách đọc bản vẽ thiết kế kỹ thuật.... để chủ động trong công tác KTSTQ.

- Truyền đạt các kinh nghiệm trong công tác KTSTQ, bên cạnh công tác đào tạo từ các đơn vị đào tạo chuyên nghiệp thì cũng phải quan tâm đến công tác tự đào tạo, thế mạnh của công tác tự đào tạo là thiên về truyền đạt kinh nghiệm, đây là nội dung đào tạo hết sức quan trọng công tác KTSTQ.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ nhằm thu hút cán bộ có kinh nghiệm, có năng lực tốt tại các Chi cục Hải quan về làm công tác KTSTQ để đạt yêu cầu về nhiệm vụ chính trị của Cục cũng như thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện hoàn thiện hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS.

3.4. Hoàn thiện cơ chế phối hợp phục vụ kiểm tra sau thông quan

Trước hết trong nội bộ ngành Hải quan thì phải tăng cường quan tâm chỉ đạo để đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa khâu thông quan và sau thông quan, giữa Chi cục Hải quan và Chi cục KTSTQ, khắc phục các hạn chế trong công tác phối hợp, luân chuyển hồ sơ đảm bảo hồ sơ luân chuyển phải đầy đủ các thông tin, tài liệu, đúng thời gian quy định. Các hồ sơ có nghi vấn phải được kiểm tra, xử lý kịp thời, hiệu quả; Thường xuyên trao

đổi nghiệp vụ giữa các bộ phận nghiệp vụ, nhất là sự phối hợp giữa các cán bộ, công chức đã có kinh nghiệm thực hiện KTSTQ với các cán bộ, công chức mới được phân công làm công tác KTSTQ. Sự phối hợp chặt chẽ nhằm trao đổi cung cấp thông tin phục vụ công tác KTSTQ được tốt hơn.

Công tác phối hợp trong ngành Tài chính cũng rất quan trọng, Bộ Tài chính cần chỉ đạo cơ quan thuế tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tất cả các khâu như kê khai thuế, in ấn, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn; kiểm soát giá bán ghi trên hóa đơn...nhằm tránh tình trạng doanh nghiệp kê khai không, không cân đối giữa đầu vào, đầu ra, ghi giá bán trên hóa đơn không thống nhất giữa các liên.

Chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng như Biên phòng, Công an, Cảnh sát biển và các cơ quan thanh tra chuyên ngành để tạo sức mạnh tổng hợp từ Trung ương đến địa phương nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác chống gian lận, trốn thuế. Đồng thời tăng cường các hoạt động phối hợp với các hiệp hội ngành nghề, cộng đồng doanh nghiệp trong trao đổi thông tin.

Tăng cường, chủ động trao đổi thông tin giữa lực lượng cảnh sát kinh tế và lực lượng hải quan nhằm chủ động phát hiện đầu mối đối tượng nghi vấn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thông qua hoạt động xuất nhập khẩu. Từng lực lượng phải thực hiện tốt công tác điều tra cơ bản nắm tình hình về địa bàn, đối tượng trên cơ sở đó nắm chắc các thông tin cần thiết để chủ động phối hợp, cung cấp thông tin giữa các lực lượng như thông tin về các doanh nghiệp có những dấu hiệu vi phạm pháp luật và gian lận về thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu; thông tin về phương thức, thủ đoạn mà các đối tượng thường sử dụng để thực hiện hành vi gian lận; thông tin về những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh những hành vi gian lận như kẽ hở trong các chính sách pháp luật, kẽ hở trong công tác tổ chức cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu.

Nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát kinh tế và lực lượng Hải quan trong đấu tranh chuyên án đối với tội phạm liên quan đến gian lận, trốn thuế thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu, đây là một hoạt động nghiệp vụ đặc trưng, mang tính phổ biến. Chính vì vậy, để phát huy thế mạnh của mỗi lực lượng thì cần phải có sự phối hợp, tham gia của nhiều lực lượng trong đó có lực lượng Hải quan.

Đổi mới nội dung, phương pháp cung cấp, trao đổi thông tin, kiểm tra xác minh nguồn tin, phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ phối hợp. Tăng cường công tác chỉ đạo đối với việc thực hiện quan hệ phối hợp giữa các lực lượng đảm bảo sự tập trung thống nhất từ trên xuống dưới.

Quan hệ phối hợp hoạt động được thực hiện theo nguyên tắc kịp thời, hiệu quả, quá trình phối hợp không gây khó khăn, phiền hà hoặc kéo dài thời gian trong kiểm tra, xử lý hàng hóa gian lận thương mại. Việc trao đổi thông tin, thực hiện các biện pháp công tác nghiệp vụ phải đảm bảo quy định về chế độ bảo mật, phải tuân thủ đúng pháp luật, đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Đảm bảo hỗ trợ lẫn nhau, tránh sơ hở, chông chéo trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

Chống gian lận, trốn thuế là một công việc gian nan và vất vả, đòi hỏi có sự tăng cường phối hợp, nỗ lực quyết tâm cùng các giải pháp đồng bộ, quyết liệt của các lực lượng chức năng, phối hợp phải nhịp nhàng, tránh trường hợp mạnh ai nấy làm dẫn tới việc xử lý các vụ việc đôi khi còn chậm, không kịp thời, không đúng đối tượng.

3.5. Tuyên truyền, nâng cao ý thức thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan

Việc tuyên truyền phổ biến pháp luật hải quan nói chung và các quy định về KTSTQ nói riêng cho đối tượng KTSTQ có ý nghĩa rất quan trọng

trong việc nâng cao hiệu quả quản lý hải quan và KTSTQ. Cần phải đổi mới về cả nội dung, hình thức và phương pháp đối với từng đối tượng cụ thể.

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về KTSTQ nói chung và pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu nói riêng cho các doanh nghiệp và các cơ quan phối hợp là một việc làm hết sức cần thiết. Khi doanh nghiệp nắm được nhiệm vụ, yêu cầu của pháp luật thì sẽ tự nguyện hợp tác và chấp hành các yêu cầu của lực lượng KTSTQ khi tiến hành KTSTQ đối với doanh nghiệp mình. Việc tuyên truyền tốt sẽ giúp cho doanh nghiệp nhận thức được trách nhiệm và sẽ nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật hải quan, từ đó sẽ giảm bớt rủi ro và khối lượng công việc mà hoạt động KTSTQ phải thực hiện về sau.

Hiện nay, Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phổ biến pháp luật phù hợp với đặc điểm địa phương và trình độ nhận thức của doanh nghiệp. Đơn vị đã chú trọng hình thức tuyên truyền cho doanh nghiệp thông qua tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn. Hầu hết những ý kiến, phản ánh vướng mắc của doanh nghiệp tại các buổi hội nghị, hội thảo đều được giải thích ngay. Duy trì các mục, chuyên mục về dịch vụ công, văn bản, tài liệu đối thoại doanh nghiệp, tổng hợp hỏi đáp qua đối thoại doanh nghiệp, hỏi đáp về văn bản pháp luật...trên cổng thông tin của Cục Hải quan tỉnh, biên soạn và phát tài liệu cho doanh nghiệp, trực tiếp tư vấn và giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp. Phối hợp với các báo, đài trong và ngoài ngành thực hiện đăng tin, bài, phóng sự, giao lưu trực tuyến về lĩnh vực hải quan nói chung và kiểm tra sau thông quan nói riêng, phát hành tờ rơi về pháp luật hải quan.

Nhận thức đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc tuyên truyền, nâng cao ý thức thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan, Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện một cách chủ động, đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của doanh nghiệp.

3.6. Tăng cường trang thiết bị cơ sở vật chất và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã được Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan và UBND tỉnh Quảng Ngãi quan tâm xây dựng hệ thống trụ sở đạt tiêu chuẩn được quy hoạch hợp lý, có trang bị kỹ thuật hiện đại, đồng bộ với hệ thống công nghệ thông tin. Tuy nhiên, cần đầu tư thêm các trang thiết bị kỹ thuật cao cho Chi cục KTSTQ như: máy móc nhận biết, giám định tài liệu; các dụng cụ thiết bị hiện đại như đo yard, đo tiết diện, diện tích, đo độ dày của lớp sơn phủ; camera giám sát, máy ghi âm... nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát cho lực lượng KTSTQ.

Bên cạnh việc tăng cường trang thiết bị thì cũng cần chú trọng tới việc ứng dụng công nghệ thông tin trong KTSTQ. Thực tế cho thấy hệ thống thông tin hiện hành nói chung của toàn ngành chưa được chuẩn hóa và quy định cụ thể đến từng cá nhân, các chương trình ứng dụng nghiệp vụ còn phân tán, sử dụng nhiều chương trình nhỏ lẻ riêng biệt, chưa tích hợp chung. Riêng với công tác KTSTQ, hiện nay đã xây dựng được chương trình quản lý STQ01 quản lý và theo dõi việc đánh giá doanh nghiệp, chưa có hệ thống thông tin chuyên trách trên cơ sở tích hợp và đồng bộ hóa dữ liệu từ các hệ thống dữ liệu hiện có để phân tích thông tin hiệu quả. Vì vậy, để xây dựng hệ thống thu thập thông tin hiệu quả, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Quy định cụ thể việc khai thác thông tin từ các hệ thống dữ liệu hiện hành cho công tác KTSTQ trong việc truy cập và phân tích, xử lý thông tin.

- Đối với hệ thống các dữ liệu giá tính thuế, hệ thống theo dõi hàng hóa xuất nhập khẩu, hệ thống quản lý rủi ro, hệ thống kế toán KTT59, hệ thống theo dõi và quản lý vi phạm... hiện nay các chương trình này đang ở thể rời rạc với nhau, thông tin bị phân khúc, chia nhỏ không kết nối được với nhau gây khó khăn cho công tác thu thập và xử lý thông tin. Vì vậy cần thống nhất

các chương trình này trong một chương trình chuẩn để có thể phân tích, sàng lọc các thông tin nghiệp vụ sau thông quan nhanh và hiệu quả.

- Hoàn thiện và đưa vào sử dụng chính thức hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp phục vụ cho công tác KTSTQ và quản lý rủi ro dựa trên các tiêu chí chung của toàn ngành.

Mục tiêu của hệ thống được xác định là hệ thống ứng dụng hải quan trong công tác quản lý thông tin doanh nghiệp sau thông quan được xử lý tập trung nhằm tạo ra cơ chế quản lý và vận hành đơn giản nhưng hiệu quả và chặt chẽ. Đảm bảo tính nhất quán và đầy đủ về nội dung thông tin, nâng cao tốc độ xử lý, tăng cường các tiêu chuẩn về bảo mật an ninh, an toàn.

Hệ thống thông tin doanh nghiệp cần được hoàn thiện với các yêu cầu sau:

- Đáp ứng yêu cầu khai thác thông tin về doanh nghiệp xuất nhập khẩu phục vụ theo dõi, quản lý, điều hành trong công tác KTSTQ.

- Cung cấp thông tin phục vụ công tác đánh giá rủi ro đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu để thực hiện phân luồng trong thông quan, đánh giá phân loại và lựa chọn đối tượng KTSTQ.

- Phải đảm bảo kết nối, đồng bộ với các hệ thống thông tin khác của ngành Hải quan.

Cần xây dựng chương trình phần mềm quản lý chuyên sâu như phần mềm quản lý định mức phục vụ kiểm tra đối với loại hình gia công, sản xuất hàng xuất khẩu, phần mềm quản lý chuyên ngành.

Xuất phát từ thực tế doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hoạt động chủ yếu theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chủ lực là các ngành sợi, dệt may, giày da. Qua thực tiễn nhiều vụ vi phạm liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguyên liệu nhập khẩu chưa đúng như khai báo định mức tiêu hao nguyên phụ liệu không đúng, sử dụng sai mục đích nguyên phụ liệu nhập khẩu... Do đó, chương trình phần mềm quản lý chuyên về định mức

giúp công chức KTSTQ theo dõi, thống kê và đánh giá các thông tin về khai báo định mức, so sánh định mức của cùng một doanh nghiệp hoặc nhiều doanh nghiệp khác nhau nhưng hàng hóa giống nhau. Từ đó xác định nghi vấn, lựa chọn đúng đối tượng, nội dung và phạm vi KTSTQ, lập kế hoạch KTSTQ phù hợp để thực hiện một cách có hiệu quả.

Liên tục cập nhật và nâng cấp các chương trình phần mềm ứng dụng của Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đang triển khai.

Bên cạnh đó, để hoạt động KTSTQ đạt được kết quả tốt, thông tin thu thập phục vụ cho hoạt động này phải đảm bảo đầy đủ và chính xác. Hiện nay Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai thủ tục hải quan điện tử, hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS do Nhật Bản tài trợ bắt đầu áp dụng từ ngày 01/4/2014, hàng hóa nhập khẩu được làm thủ tục hải quan điện tử thông qua hệ thống thông tin chung. Hệ thống xử lý tập trung được thiết lập tại Trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan; Hệ thống phần mềm tích hợp các chức năng cơ bản của nghiệp vụ hải quan, được kết nối trao đổi dữ liệu điện tử với các cơ quan quản lý có liên quan; Cổng điện tử để giao tiếp với bên ngoài, với cơ quan Hải quan quốc tế. Tuy nhiên một trong những vấn đề nổi bật cho hoạt động KTSTQ là hệ thống thông tin vận hành chưa thông suốt, hệ thống cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ như chứng từ giấy. Điều này đã gây khó khăn cho công chức KTSTQ trong việc thu thập và kiểm tra thông tin.

Do đó trong thời gian tới, trước hết phải xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ về các doanh nghiệp, hoạt động của các doanh nghiệp từ trước tới nay, thông tin về hàng hóa xuất nhập khẩu..., tích hợp, tập trung, phục vụ cho công tác quản lý hải quan và cung cấp cho các cơ quan có liên quan.

Kết luận chương 3

Việc tăng cường công tác KTSTQ đã trở thành yêu cầu cấp thiết, bắt buộc và tất yếu của toàn ngành Hải quan trong giai đoạn trước mắt, nhằm từng bước đưa hoạt động này đi vào nề nếp, hoạt động vững chắc, đảm bảo thực hiện đúng Luật Hải quan tạo thông thoáng cho hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, phù hợp với xu thế đơn giản hóa, hài hòa hóa và hiện đại hóa thủ tục hải quan, xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng vẫn đảm bảo quản lý nhà nước về hải quan.

Khi nhiệm vụ được mở rộng, tăng cường, phức tạp hơn, đòi hỏi trước hết là phải có một đội ngũ cán bộ làm công tác KTSTQ có đủ năng lực, trình độ, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của hoạt động KTSTQ. Một hệ thống các văn bản pháp luật rõ ràng, minh bạch, khả thi làm hành lang pháp lý cho hoạt động KTSTQ được thực hiện một cách chính xác, một cơ chế phối hợp thực hiện hiệu quả giữa các cơ quan trong và ngoài ngành với lực lượng KTSTQ. Đó là tất cả những gì đã được nêu trong các giải pháp đẩy mạnh thực hiện pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi.

Để hoạt động kiểm tra sau thông quan hiệu quả hơn nữa, tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế và phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng vẫn đảm bảo quản lý nhà nước về hải quan thì yêu cầu cấp thiết là phải xây dựng một hệ thống văn bản pháp luật rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ; công tác thu thập thông tin, xử lý thông tin, quản lý rủi ro, phối hợp giữa các cơ quan trong và ngoài ngành phải được đẩy mạnh; đội ngũ cán bộ công chức làm công tác kiểm tra sau thông quan phải có đủ năng lực, trình độ, nghiệp vụ chuyên môn.

KẾT LUẬN

Kiểm tra sau thông quan là một phương pháp quản lý hiện đại, là hoạt động nghiệp vụ quan trọng và cần thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý có hiệu lực, hiệu quả của cơ quan Hải quan trong việc phòng chống, ngăn chặn gian lận thương mại đồng thời tạo thuận lợi tối đa cho thương mại và đầu tư. Hoạt động kiểm tra, giám sát của hải quan hiện đại luôn đòi hỏi cán bộ công chức ngành Hải quan phải tinh thông về nghiệp vụ, nắm vững quy định của pháp luật, đồng thời phải có kỹ năng nắm bắt tốt tình hình, thông hiểu hoạt động mua bán trên thị trường để có những quyết định đúng đắn trong quá trình thi hành công vụ. KTSTQ là hoạt động có tính chất đặc thù, có tầm quan trọng đặc biệt hiện nay nhưng lại rất phức tạp trong công tác kiểm tra, giám sát của hải quan ở bất cứ quốc gia nào.

Cho đến nay, thủ tục trong thông quan chủ yếu là thủ tục hải quan điện tử, tỷ lệ hàng hóa, hồ sơ hải quan được kiểm tra khi thông quan hàng hóa là rất ít so với tổng số hồ sơ hải quan phải kiểm tra. Điều đó có nghĩa là KTSTQ trở thành nội dung chủ yếu của kiểm tra hải quan. Nói đến kiểm tra hải quan tức là nói đến KTSTQ, tinh thần này phải được thể hiện trong văn bản quy phạm pháp luật thì mới có giá trị thực hiện, mới làm thay đổi căn bản tư duy và phương pháp hải quan.

Đề tài đã nghiên cứu được những vấn đề cơ bản nhất về KTSTQ, đánh giá thực trạng KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu tại tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua, trên cơ sở đó đề ra những giải pháp thiết thực trong tiến trình hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian tới.

Việc thực hiện các giải pháp của Luận văn đã đưa ra yêu cầu phải tập trung vào các khâu trọng điểm là tổ chức và nâng cao năng lực cán bộ. Về

ng nghiệp vụ, cùng với hoàn thiện quy trình cần chú ý trọng điểm ở khâu xác định trị giá tính thuế và mã số hàng hóa.

Với nội dung cơ bản được đề cập trong luận văn, tôi hy vọng sẽ đóng góp được phần nào trong việc tìm ra các giải pháp thích hợp để thực hiện tăng cường công tác KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý hải quan tại đơn vị đang công tác, đáp ứng được nhiều thách thức trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo Hải quan (2016), *Tăng thu hàng trăm tỷ đồng từ hậu kiểm*, Hà Nội.
- [2]. Bộ Tài chính (2006), *Quyết định số 34/2006/QĐ-BTC ngày 06/6/2006 về việc thành lập Chi cục Kiểm tra sau thông quan trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố*, Hà Nội.
- [3]. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, Quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
- [4]. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, Quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
- [5]. Chi cục Kiểm tra sau thông quan – Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi (2011 - 2015), *Báo cáo tổng kết hàng năm*, Quảng Ngãi.
- [6]. Chính phủ (2010), *Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*, Hà Nội.
- [7]. Chính phủ (2013), *Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế*, Hà Nội.
- [8]. Chính phủ (2013), *Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013, Quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan*, Hà Nội.
- [9]. Chính phủ (2015), *Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015, Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan*, Hà Nội.

- [10]. Chính phủ (2015), *Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015, Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế*, Hà Nội.
- [11]. Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi (2011 - 2015), *Báo cáo tổng kết hàng năm*, Quảng Ngãi.
- [12]. Cục Kiểm tra sau thông quan (2015), *Tài liệu Hội nghị tập huấn công tác kiểm tra sau thông quan*, Hà Nội.
- [13]. Quốc Hội Khóa 11 (2005), *Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005*, Hà Nội.
- [14]. Quốc Hội Khóa 11 (2006), *Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006*, Hà Nội.
- [15]. Quốc Hội Khóa 12 (2008), *Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008*, Hà Nội.
- [16]. Quốc Hội Khóa 13 (2012), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012*, Hà Nội.
- [17]. Quốc Hội Khóa 13 (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012*, Hà Nội.
- [18]. Quốc Hội Khóa 13 (2014), *Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014*, Hà Nội.
- [19]. Cao Ngọc Tâm (2016), *Kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công, sản xuất xuất khẩu theo Luật Hải quan 2014*, Tạp chí Nghiên cứu Hải quan, (số 5), tr. 9 – 12.
- [20]. Tổng cục Hải quan (2010), *Quyết định số 1166/QĐ-TCHQ ngày 09/6/2010 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm tra sau thông quan trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố*, Hà Nội.

- [21]. Tổng cục Hải quan (2015), *Quyết định số 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/5/2015 về việc ban hành Quy trình kiểm tra sau thông quan*, Hà Nội.

Website

- [22]. <http://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [23]. <http://www.hqngai.gov.vn/>
- [24]. <http://www.baohaiquan.vn/>
- [25]. <http://haiquanbinhduong.gov.vn/>
- [26]. <http://www.haiquan.hochiminhcity.gov.vn/>
- [27]. <http://www.hanoicustoms.gov.vn/Default.aspx>
- [28]. <http://dncustoms.gov.vn/>
- [29]. <http://hpcustoms.gov.vn/Portal/Default.aspx>
- [30]. <http://quangninhcustoms.gov.vn/default.aspx>